

SỐ 2088

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

*Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Đạo Tuyên
ở núi Thái nhất; Chung Nam soạn thuật.*

LỜI TỰA

Triều đại tiền Đường có được thiên hạ gần 40 năm, thuận phong dướm hợp; tục xấu đổi thay, văn đức tu chính; võ công đủ đầy. Nên khiến các tước hầu Thanh khâu Đan huyết đều vào Đô phong, các cõi vực Long sa nhận tái bèn tuân theo Thánh giáo, cúi đầu lay dài, hiển hiện vũ nghi của triều Tông, nộp ngọc dâng lễ, tỏ bày đức lớn của Hoài Nhu. Nhưng mà tám vực hoang vu khắp trong ngoài sử trước ghi bày đủ, còn các phương của năm xứ Thiên Trúc xưa nay ít thuật. Đâu chẳng phải thời vậy. Tuy là Chu mục đi thú hưởng Tây chỉ đến côn, Thuấn võ tuần mảo phương Nam không vượt qua biển cả. Tần Hoàng phân vạch bờ cõi gần suốt Lâm Thao. Hán Võ phong vương cửa ải mở cùng Thiết Lộ. Quyết ấy đã ban gián, xem xét chưa rõ ràng. Do đó, không đồng hỏi Đạo chỉ hạn cục tại đất Tửu Tuyền, Côn Lôn bá yết Thánh chỉ đến bên cạnh ngọc môn. Đến như Nhược Thủy Động Đình, Tam Nguy Cửu Lũng, Yến nhiên Long Lạc, Sa Chương Lê Hà đầy đủ dần trải trong Hạ thư, đều đồ khắc ở Ung Bộ. Cho nên rộng trông đến Tầm Hà bắt đầu nghe tên nước Đại Hạ (Trung Hoa). Hiên Hoàng du mộng đầu tiên thuật bày về nước Hoa Tư. Nhị sư đến đánh Đại Uyên, Định Viễn đến mở thiết môn. Do Dư vào đất Tần, Nhật Đạn làm quan nhà Hán tiếng tăm vang vọng tỏa cùng thống lãnh, đức vua phô bày tận kỳ sơn, Hoàng Hoa rực rỡ loại ấy lắm nhiều vậy. Nhưng mà ghi chép về phương thổ, mọi thích nghi của nhân vật, sự lần lượt đổi thay phong tục, mọi lạ lùng

của núi sông, du tổ lược không thể ghi chép, đâu chẳng vì đường sá xa xôi, ít có người đến nơi vậy. Dùng sự mà luận xét, giả sử như có truyền thuyết đều là ghi lại tin tức của các hành nhân, chẳng phải chính mắt đã trông thấy, lần lượt đua nhau đem điều lui dối làm thực lục. Cớ sao biết được như vậy? Bởi Tích Thạch Hà Nguyên theo hướng Tây chỉ trông đến Xích Huyện, Côn Lôn Thiên Trụ với hướng Đông chỉ nhìn lại thần châu. Từ Ô Sa trở ra ngoài đều gọi là nước Hồ, đâu dùng toán tính xa, không truyền tương giản. Vậy biết thuyết của nước Thân Độc dịch lại kịp vậy. Các truyện về Thần Châu v. v... đoán chắc có thể biết đó.

Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, vẻ vang đất Hán, dòng chính có 10 đời gần 600 năm, xe nhẹ kế tiếp quán phương khắp cùng, có hơn trăm nước đều về tựa nương phong hóa, cây núi tiến cống chức, trông mặt trời mà đến vua. Nhưng trước sau ghi chép lưu truyền có sự lẫn lộn bất đồng, sự tích ít thuật đáng gọi là lắm hoặc, tìm lại đến cùng việc ấy kết quy bởi người chuyển dịch. Trước kia, trung thời nhà Tùy có Sa-môn Ngạn Tông ở Phiêu kinh quán; Thượng lâm viên tại Đông Đô trước thuật 1 bộ Tây Vực truyện gồm 10 chương, rộng nêu bày phong tục mà sơ lược về Phật sự, được ở điểm hợp nghe, mất ở điều tín bản. Tôi (Đạo Tuyên) cho là Tám tướng hiện bày đạo, Ba thừa đào luyện phong hóa, Bốn nghi thiết bày không gì chẳng hợp căn cơ, Hai Nghiêm khắp đủ chư chính ở tuệ giải. Nay Thánh tích linh tướng lắm nhiều ở Hoa Tư, Thần Quang thụ ảnh chan hòa trong Hoàn Vũ, nghĩa hản phải xương minh, hình tượng động phát tâm linh. Nhân trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường, trong công việc phiên dịch kinh điển, tôi thường dự tham pháp tịch, bên cạnh lưu xuất Tây ký đầy đủ như riêng rõ bày, nhưng vì giấy bút lắm nhiều đọc xem khó biết, giềng mối tiếp nối để lại của Đức Phật, các hàng Thích tử đều cùng quay về tựa nương, nên lược rút cương du làm thành 2 quyển để tặng cùng các hàng hậu học, tạm nêu tỏ ý như vậy.

Thích-ca Phương Chí 1 bộ gồm 8 chương:

- 1 là Phong chương
- 2 là Thống nhiếp
- 3 là Trung biên
- 4 là Di tích
- 5 là Du lý
- 6 là Thông cục
- 7 là Thời trú
- 8 là Giáo tướng.

Ngưỡng tìm giảng linh của chư Phật không thể dùng hình tướng để tìm cầu, tùy cơ ẩn hiện nên có thể lấy ngôn từ rõ ràng để bày thuật. Nhưng tìm học giáo pháp trước tiên nêu bày tông quát, tiếp đến là nghiên cùng nhánh lá cuối cùng chẳng xa thấu đạt đó. Nêu ở đầu chương quyển nên điểm đến cùng như vậy.

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

QUYỂN THƯỢNG

(Gồm 4 chương: Phong cương, Thống nhiếp, Trung biên, Di tích)

CHƯƠNG I: PHONG CƯƠNG.

Vương thể của Đức Phật hiệu là Thế Giới Sách Ha, tức xưa trước trong việc phiên dịch kinh điển gọi đó là Sa-bà. Trong kinh thường nói đó là Nhân thổ (cõi đất kham nhân), có nghĩa là người ở cõi đất này mạnh biết lực niệm, hay nhẫn khổ vui, kham nhẫn Đạo khí, nên Đức Phật làm vua ở đây vậy. Xét về Phong cương ở đây thì bao quanh núi (Sắt) Thiết, ngoài núi là không, không chẳng thể lường, dưới núi là đất, dưới đất là vàng, dưới vàng là nước, dưới nước là gió, gió ấy kiên cố chắc thật hơn cả kim cương, bởi tâm lực chúng sinh đồng nghiệp cảm nên vậy, có khả năng gìn giữ thế giới khiến chẳng nghiêng đổ. Từ gió trở ra tức là hư không. Nếu ước về vòng bao quanh từ dưới lên trên đến tột cùng cõi vô sắc có tên gọi là Hữu Đảnh, luận về lượng giới ngang rộng đến tận cùng thì khả năng lý số chẳng thể đo đạt được. Và lại, như trong luận Đại Trí Độ nói: “Từ cõi trời Sắc giới rơi xuống một tảng đá lớn phải trải qua một vạn tám ngàn ba trăm tám mươi ba năm mới tới mặt đất đây. Ước về trên dưới và các phương hướng đây thì gọi là vương thể của một Đức Phật vậy (tức lấy Đại thiên thiết vi mà làm địa vực của Phong cương vậy).

CHƯƠNG II: THỐNG NHIẾP

Xét theo các cõi nước nhiếp thuộc trong vòng quanh núi thiết của thế giới Sách Ha thì có đến muôn ức. Tại sao biết vậy? Như chỗ ở hiện nay là một cõi nước. Trong cõi nước riêng có một núi Tô-mê-lô, tức trong kinh gọi là núi Tu Di. Núi ấy ở trong biển cứ định ngoài kim luân, một nửa xuất hiện trên mặt biển cao tám vạn do tuần. Mặt nhật mặt nguyệt xoay quanh eo lũng núi ấy, ngoài ra có bảy lớp núi vàng bao bọc chung quanh, trong mỗi biển nước có đủ tám thứ công đức, và bên ngoài là nước biển mặn rộng chiều không ngăn mí, ngoài biển lại có núi bởi

chất sắc tạo thành bao bọc chung quanh bốn phía, trong biển là nơi ở được. Đại lược có bốn tức ước từ núi Tô-mê dùng phân phương diện: Ở Đông châu gọi là Ty-đề-ha, Nam châu gọi là Thiệm bộ, Tây châu gọi là Cù-đà-ni và Bắc châu gọi là Câu-lô. Bốn châu ấy cũng còn gọi là bốn hữu, là nơi của con người là nơi làm vua của Đức Phật. Chuẩn cứ bên cạnh đây và trong biển Thiết vi chỉ có bốn châu. Từ núi Tô-mê trở lên có 28 tầng và một mặt nhật một mặt nguyệt làm một quốc độ, tức đây lượng số đến một ngàn, thiết vi bao bọc chung quanh gọi là một Tiểu thiên thế giới, tức số Tiểu thiên ấy đến một ngàn, thiết vi bao bọc chung quanh gọi là Trung thiên thế giới, tức số Trung thiên đây đến một ngàn, thiết vi bao bọc chung quanh gọi là một Đại thiên thế giới. Căn cứ Tam thiên đại thiên thế giới đây thì bốn châu, núi, vua, mặt nhật mặt nguyệt trong đó cho đến cõi trời Hữu Đảnh thí có muôn ức có sơ đều do Đức Phật thống nhiếp, và tất cả đều tuân theo Thánh giáo.

CHƯƠNG III: TRUNG BIÊN

Sở bộ của Pháp vương thì nhiếp trong Đại thiên, nêu y cứ về thành đô thì châu này thường làm nơi chỗ ở. Châu này ở trong biển của phía Nam núi Tô-mê, đất nước trải dài theo hướng Đông Tây 24 vạn dặm, tải rộng theo hướng Nam Bắc 28 vạn dặm. Lại y cứ theo trong luận nói: “Ba phía ngang bằng với lượng 2.000 do-tuần ở phía Nam rộng dài ba do-tuần rưỡi, như vậy là phía Bắc rộng phía Nam hẹp, mặt người theo hình dạng ấy”. Lại y theo Phạm ký thì chỗ ở của người vật theo hướng Đông tây dài rộng 11 vạn sáu ngàn dặm, còn theo hướng Nam bắc xa gần lược cũng đồng vậy. Nơi chốn định đô là ở trong thành Ca-tỳ-la; đất nước nơi Đức Phật Đản sinh, nghĩa là ở trong bốn lớp thiết vi. Nên trong kinh nói rằng: “Ba ngàn mặt nhật mặt nguyệt là trung ương của vạn hai ngàn trời đất. Do oai thần nên Đức Phật không sinh ở chốn biên địa, nơi đất nghiêng vẹo. Tại nước Trung Thiên Trúc được gốc cây Đức Phật Thành Đạo có tòa Kim cang dùng làm nơi Đức Phật ngồi vậy. Căn cứ vào đây mà luận bàn, ước về các Thiên hạ khác để định là ở trung tâm. Nếu ngay châu này theo nghĩa ước về quỹ sự để rõ là trung tâm vậy. Năm sự đó tức là Danh, Lý, Thời, Thủy, Nhân.

- Về Danh thì đều cho rằng Tây Vực là Trung Quốc (cõi nước trung tâm), lại cũng cũng gọi là nước Trung Thiên Trúc, cõi nước đó tên là Hiền-đàm-bang-chi-thứ. Lại chỉ Tây Vực mà làm Trung Quốc. Nếu chẳng phải là trung tâm thì phạm Thánh hai thuyết không nên gọi Trung, xưa kia, trong thời Tiên Tổng có Hà Thừa Thiên là người thông rành mọi

vật, nổi danh trên các bậc anh tài hỏi Sa-môn Tuệ Nghiêm rằng: “Cõi nước của Đức Phật dùng dịch thuật gì mà gọi là Trung tâm?”. Ngài Tuệ Nghiêm đáp rằng: “Tại nước Thiên Trúc đến ngày Hạ chí tại phương giữa không ảnh bóng, điểm gọi là Trung bình của đất trời. Nước ấy tại Trung nguyên ảnh đẹp, lường xét đó nên có các phần khác. Đến như Lịch có ba đời, lớn nhỏ có hai, ngoài ra thì thêm bớt, thời gian tính toán liền sai, thời tiết rõ ràng chẳng phải là trung tâm vậy”. Hà Thừa Thiên không còn lời nào để chống đỡ. Vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424 - 454) nghe thế mới ban sắc Nhâm Dự nhận vậy. Phàm lấy tám nạn nêu bày biên địa chẳng nhiếp. Vượt phàm vào Thánh hản trước tại Trung Quốc, nên Đại Hạ thân gồm kính phụng âm hình, Đông Hoa mở muện giáo tích, Lý số hản vậy.

- Nói về Lý thì châu này lượng lớn phân làm ba phần. Trong đó hai phần về phía Bắc đất rộng ít người, là nơi mọi rợ sinh sống lắm nhiều không có khả năng kham nhận việc Đạo, và một phần về hướng Nam đến tận ba biển. Con người ở đó phần nhiều tinh sáng có khả năng thọ nhận Thánh hóa, nên ước về Đạo thẳng là Đại Thánh đô vậy. Nên Thành Quang Tử nói rằng: “Nước Trung Thiên Trúc theo hướng Đông đến nước Chấn Đán cách khoảng 5800 dặm (Chấn Đán tức hiệu của Thần Châu. Người ở xứ ấy xem như vậy), theo hướng Nam đến nước Kim Địa cách 5.800 dặm, theo hướng Tây đến nước A-câu-già cách 58.000 dặm, theo hướng Bắc đến núi Tiểu hương; ao A-nậu-đạt cách 58.000 dặm”. Quán xét sự thông nhiếp đây nắm lấy sự xa gần ngang bằng đến cùng để quyết định đó là trung tâm, lý ấy rõ bày.

- Nói về Thời, nghĩa là từ núi Tuyết trở về hướng Nam gọi đó là Trung Quốc. Xứ ấy thảo nhiên ngang bằng thẳng thẳng, mùa Đông mùa Hạ đều điều hòa, cây cỏ thường tươi tốt, sương tuyết không rơi đổ, ngoài ra các xứ biên鄙 sao đủ để nói ư?

- Nói về Thủy (nước), nghĩa là trung tâm châu này có một ao lớn tên là A-nan-đà-đáp-la, Trung Hoa dịch nghĩa là Vô nhiệt nào, tức trong kinh điển thường gọi đó là ao A-nậu-đạt. Ao đó ở thuộc phía Nam Hương sơn mà phía Bắc núi Tuyết, ngay trên đỉnh núi, chẳng phải nơi kẻ phàm bước đến, chu vi ao rộng tám trăm dặm, bốn phía bờ dùng các vật báu trang sức. Vì phía chánh Nam ngay nơi chỗ đất bằng phẳng là chốn địa ngục, nên tòa Kim cang thuộc về phía Đông hợp dài đến 500 dặm, về hướng chánh Nam của ao ấy là Đương Châu, nơi dừng nghỉ, về hướng Bắc thì ngay sông Mê-la tức Bắc. Lại ngay phía Bắc của Thông Lãnh là Thiên Tuyền, trên không định ước là ngay Bắc thần tinh. Nay

trông đến thứ năm tựa như Tây y. Vả lại trên trời một tắc dưới đất một thước, Thiên Tuyền cách kinh độ 8. 000 dặm, ước về Trời thì không một thước vậy. Từ ao đó về phía Bắc cách nước Bát-lộ-la gần ngàn dặm, về hướng Đông nam là nước Quật-lộ-đa, về hướng Tây Nam là nước Kế Tân, mỗi bên đều cách xa hơn ngàn dặm, nhưng bốn biển là nơi cuối cùng chứa đựng nước, nên từ một ai ấy phân làm thành bốn dòng sông, mỗi mỗi tùy theo thế đất mà nước trút đổ vào một biển. Nên từ Thông Lĩnh thuộc về hướng Đông do đó nước trút đổ về Đông Hải, nước Đạt Sáu thuộc về hướng Nam nên nước trút đổ về Nam Hải, núi tuyết thuộc về hướng Tây nên nước trút đổ về Tây hải, và Đại Tần thuộc về hướng Bắc nên nước trút đổ về Bắc Hải. Nên địa thế cao nước đều trút đổ xuống, nên trung tâm đây ở bên bờ sông biển gọi là nan đoạt. Nên kinh Phật rộng lớn thông khắp mọi sự thấy cùng Thánh Hiền, nghĩa ấy chẳng vọng gương theo. Nên bày trên đây từ Phù Địa đồ, nhưng châu này viết chép về sử sách ngụ ngôn ước đạt phù hư xem lăm lăm nhiều. Khi ước về kinh Phật lại lăm nhiều loại ấy thấy đều là hoang kể thứ vì nêu cử đó. Trong Thủy kinh nói: “Gò vô nhiệt tức là núi Côn lân”. Phù Nam truyện nói rằng: “Núi A-nậu-đạt tức là núi Côn lân”. Sơn Hải kinh nói rằng: “Nam lưu Sa Tân nước đỏ sau nước đen trước có một núi lớn tên là Côn lân”. Lại nói rằng: “Về phía Tây Chung Sơn cách khoảng 600 dặm có núi Côn lân lưu xuất ra 05 dòng sông”. Còn căn cứ theo Mục Thiên Tử truyện nói rằng: “Thông sơn âm chung”. Lại nói rằng: “Gò Côn lân trong biển, tại dưới Tây Bắc Đế, vương vực 800 dặm, cao vạn nhận”. Theo Thập Châu ký nói rằng: “Gò Côn lân tức là Côn sơn tại phía Tây Bắc của Bắc Hải cách bờ 13 vạn dặm. Đó là ước chỉ về kinh Phật nói là núi Tô-mê vậy. Lại nữa, Trung Đông hải có núi tên là Phương trượng cũng còn gọi là Côn lân”. Lại nói rằng: “Tây Vương mẫu bảo cùng Chu Mục rằng: “Núi ấy các Hàm Dương 36 vạn dặm, cao so với mặt đất bình thường 36. 000 dặm”. Lại theo Chu Mục truyền thuật Tây Vương mẫu nói rằng: “Cách khe suối Triều ở Đông Chu 11. 100 dặm”. Thần Dị kinh nói rằng: “Núi Côn lân có trụ đồng cao ẩn trong trời, chu vi lớn 3. 000 dặm”. Vinh Thị ghi chú rằng: “Trụ Châu ở phía Đông nam núi Côn lân cao 2. 000 dặm có không ngoài núi”. Theo Sử ký nói rằng: “Núi Côn lân cách Tung cao năm vạn dặm, cao vạn một ngàn dặm!” Theo Quách Bộc nói rằng: “Cao hơn 2. 500 dặm”. Theo Hoài Nam nói là: “Cao vạn một ngàn một trăm dặm 14 bộ 2 thước 6 tắc”. Theo Đạo kinh tạo lập Thiên Địa ký nói: “Núi Côn lân cao 4. 800 dặm”. Theo Chuyển Hình Tế Khổ Kinh nói: “Cao vạn chín ngàn dặm”. Lại nói: “Núi ấy nổi bay”.

Lại nói: “Về phía Nam Côn lân cách 30 dặm lần lượt có ngàn núi Côn lân, gọi đó là tiểu thiên thế giới”. Theo Hóa Hồ kinh nói: “Núi Côn lân cao 9 tầng lớp mỗi mỗi tầng lớp cách nhau 3.000 dặm”. Lại nói: “Cao vạn vạn 5.000 dặm.” Trên đây là thuyết của Nho giáo và Đạo giáo, tuy hình lượng có sai khác, nhưng chẳng vượt quá núi Côn lân. Tìm xét ở gần núi Côn lân là đất của Tây Lương, Tửu Tuyền, là nơi Mục Hậu thấy gặp Tây Vương Mẫu, đầy đủ trong Đồ kinh ấy. Nếu ở xa núi Côn lân là trung tâm của Hương sơn và Tuyết sơn, và Hà Nguyên lưu xuất ở ngoài vậy. Nên Nhĩ Nhã nói rằng: “Hà Nguyên ra ngoài Côn lân”. Và Quách Bộc Đồ Tán nói rằng: “Côn lân ở tầng thứ 3 gọi là Thiên Trụ, thật chỉ là Linh phủ của sông Hà Nguyên”. Căn cứ theo Võ Cống nói rằng: “Dầu dòng từ Tích thạch chỉ y cứ nơi dòng lưu xuất mà gọi tên vậy”. Nếu xét về cội nguồn thật có sở do vậy. Nên trong kinh Phật nói rằng: “Ở phía Đông ao Vô nhiệt nào có miệng Trâu bạc lưu xuất ra sông Khắc già, tức xưa trước gọi là sông Hằng chạy vòng quanh theo phía hữu của ao mà trút vào biển phía Đông nam, về phía Nam có miệng voi vàng lưu xuất ra sông Tín Độ, tức xưa trước gọi là sông Tân Đầu, vòng quanh theo phía hữu của ao mà trút vào biển phía Tây nam, về phía tây có miệng Ngựa lưu ly lưu xuất ra sông Phược sô, tức xưa trước gọi là sông Bác xoa và cũng chạy quanh phía hữu ao mà trút vào biển phía Tây bắc. Về phía Bắc có miệng Sư tử phải chi lưu xuất ra sông Tử Đa, tức xưa trước gọi là sông Tư Đà, cũng chạy quanh phía hữu ao mà trút vào biển phía Đông Bắc.”

Căn cứ theo Hà Đồ thì nói rằng: Từ núi Côn lân về hướng Đông cách 5.000 dặm gọi là Thần Châu, còn gọi là Xích Huyện”. Lại y cứ theo sách nói rằng: “Từ Hà Nguyên về hướng Đông Bắc lưu xuất ra hang Kỳ sa; thông lãnh, phân làm hai dòng sông. Dòng sông phía Đông Bắc chảy qua phía Nam nước Vu Điền, núi ở phía Tây Bắc của nước ấy lưu xuất ra. Lại dòng phía Đông là sông lớn chảy qua phía Đông nam của thành Khiết-bàn-đà. Lại xoay dòng trở lại phía Nam nước ấy cách hơn 500 dặm đến phía Nam nước Ô Sút, lại theo hướng Đông Bắc đến phía Bắc nước Sơ Lặc, cách 610 là đến thành Xích Cốc ranh giới của Ô Tôn. Lại theo hướng Đông cách 270 dặm chạy qua phía Nam của nước Cô Mặc, lại theo hướng đông cách 670 dặm chạy qua phía Nam nước Quy Tư. Lại theo hướng Đông cách 350 dặm chạy qua phía Nam nước Ô Diệp. Đó tức là xứ trị vì của nước Hán thời đô hộ. Về hướng Tây nam cách nước Sơ Lặc 2.110 dặm, về hướng Đông Bắc cách nước Ô Kỳ 400 dặm. Sông ấy lại theo hướng Đông nam chạy dài 340 dặm qua phía

Nam nước Cừ Lê, lại theo hướng Đông 240 dặm chạy qua phía Nam Hắc sơn. Từ đó về hướng Đông cách ải Ngọc môn 2.660 dặm, sông ấy lại theo hướng Đông chảy qua liên thành theo hướng Nam trút đổ vào Tân Thành, đến phía Bắc nước Thư Mạt hợp cùng dòng nước. Sông ấy lại theo hướng Đông chảy qua đất Lũ Lan, lại theo hướng Đông chạy qua phía Nam thành nước Thiện Thiện, vượt qua hướng Đông Bắc vài trăm dặm chảy vào biển Bồ Xương. Mặt hướng Đông biển ấy một ít chênh về hướng Bắc cách Ngọc môn 1.300 dặm. Lại về hướng Đông bắc cách Dương Quan 300 dặm. Sông ấy lại từ phía Nam Bồ Xương; Phục lưu mà chênh về hướng Tây vài ngàn dặm vào núi Tích thạch tại trong khu đảng Khương Thiêu. Theo sách nói: “Tích thạch cách núi Côn lôn 1740 dặm”, hoặc nói: “Phục lưu cách xa vùn ba ngàn dặm”. Các ức thuyết ấy khó có thể nghiên cứu rõ ràng tường tận. Sông ấy lại ra phía Tây của Tích thạch chảy về phía Đông Bắc cửa cừ khuất hợp dòng chảy vào đất chiết chi tức là Hà Khúc (Tùy?). Lại theo hướng Đông Bắc vào Tái qua phía Nam Trương Dịch; Đôn Hoàng, đó là xứ Hà Nguyên vậy. Căn cứ theo thực lục đây để tìm về Hà Nguyên rốt cùng đến chỗ ao Vô nhiệt nào, mới là xét cứu cùng cực. Nhưng ao ấy chỉ có Thần ở chẳng phải nơi con người bước đến. Đó là địa vực của Bắc thiên núi tuyết, phía Nam tiếp liền với Trung độ; nơi Đức Phật Đản sinh, vì xứ ấy cao thẳng nên chẳng phải là biên鄙 vậy.

- Nói về Nhân (con người) tức chẳng vượt ngoài phạm Thánh, ngôi vị cao tột của phạm nhân gọi là Luân vương, ngôi vị cao tột của Thánh nhân gọi là Pháp vương. Bởi vì hai ngôi vưng ấy chẳng ra đời thì thôi, còn nếu ra đời hẳn ở tại trung tâm. Lại nữa, núi sông làng nước là y báo của con người, con người ưu thắng thì y báo ưu thắng, nên hai vương ấy sống ở tại đó vậy. Lại nữa, Luân vương có 4 vị định ước thống nhiếp cả bốn châu. Kim Luân vương thì thông cùng cả bốn hữu (châu, cõi); Ngân Luân vương thống nhiếp ba châu, trừ một châu ở phía Bắc; Đồng Luân vương thống nhiếp hai châu, trừ hai châu ở phương Tây và phương Bắc; còn Thiết Luân vương chỉ thống nhiếp một châu ở phương Nam, trừ ba châu kia. Nói “Thiệm Bộ” tức là tiếng của Trung Phạm thiên, Trung Hoa dịch nghĩa là nơi của Luân vương. Nói về thông cục của Tứ Luân vương là khác chỗ ở hẳn tại phía Nam. Xưa trước phiên dịch châu này là Hảo kim địa (đất vàng tốt đẹp), nghĩa là vàng Diêm phù trong bờ biển phía Bắc châu, ánh sáng vàng nổi ra trên biển. Bên cạnh đó có rừng cây Diêm phù trái quả rất lớn. Người chứng đắc thần thông mới đến được nơi ấy. Nay nói Luân vương châu này được tên gọi cả hai giả thiết đều

đạt đến cùng vậy. Lại nữa, châu này có bốn chúa thống nhiếp, tức từ núi tuyết trở về hướng Nam đến tận Nam Hải gọi là Tượng chúa, vì đất xứ đó chỉ thuần nắng nóng ẩm ướt rất thích nghi với voi ở. Và vua các xứ ấy dùng lính voi mà an trị đất nước, phong tục con người xao động mãnh liệt rất độc lòng tập học dị thuật, đó tức là nước Ấn Độ, nhưng tên nước Ấn Độ còn gọi là nước Hiền Đậu, hoặc gọi là nước Thiên Trúc, Thân Độc, Thiêu Đốc v. v... đều là lầm bậy lưu truyền, chỉ lấy tên Ấn Độ làm chánh, Trung Hoa không ngôn từ phiên dịch. Về phía tây núi Tuyết đến tận Tây Hải thì gọi là Báo chúa. Đất xứ đó tiếp liền với Tây Hải riêng có nhiều trâu quý khác lạ, nhưng xem thường lễ nghi quý trọng của cải, đó là nước Hồ vậy. Về phía Bắc của núi tuyết đến tận Bắc Hải, đất xứ đó rất lạnh nên thích nghi với loài ngựa. Vì vậy gọi là Mã chúa, phong tục con người rất hung bạo nhẫn chịu giết hại, mang mặc lông da, tức là nước Đột Quyết vậy. Về hướng Đông của núi Tuyết đến tận Đông Hải gọi là Nhân chúa. Đất xứ đó thuần hòa sương, phong tục chuyên làm điều nhân nghĩa, nước yên nhiều lớp đổi đời, đó là nước Chí Na, tức xưa trước gọi là nước Chấn Đán vậy. Bốn chúa nói trên là y cứ vào một châu, phân ranh giới mà Vương hấn định ở tại trung tâm của châu. Luân vương là vua ở tại trung tâm xưa nay không cải đổi. Ở châu này các nhà Nho bị ngưng trệ bởi Khổng giáo vì vậy gọi là trung tâm, ngoài ra là nhiếp thuộc biên鄙. Riêng chỉ Lạc Dương là nước trung tâm tức là ước theo Hiên Viên ngũ nhạc mà nói, chưa phải là trông xem rộng lớn khắp cùng các phương. Lại chỉ Tây Phiên liệt thuộc nước Hồ. Nhưng lúc đạo phẫm tại thế qua lại thì về phía Nam của núi tuyết gọi là nước Bà-la-môn, cách tuyết với nước Hồ, ngôn ngữ viết lách chẳng đồng. Nên các Bà-la-môn ở năm xứ Thiên Trúc viết lách là sách trời, ngôn ngữ nói năng là ngôn ngữ của trời, nghĩa là lúc kiếp sơ mới thành, các Phạm thiên xuống cõi này nhận đấm mê mùi vị đất béo tốt bèn ở lại sinh làm loài người, từ gốc nói năng viết lách đều theo thiên pháp không dứt đoạn, nên phong tục xứ đó phần nhiều là phụng thờ trời vậy. Còn người nước Hồ vốn là Tây Nhung không nghe về Đạo thuật, nói năng viết lách của nước ấy riêng biệt, phải phiên dịch mới thông. Còn ngôn ngữ viết lách của người xứ Thần châu xuất phát không có gốc gác. Vả lại luận bàn về thư khế có thể lấy sự mà truy cầu, thì bát quái của Phục Hy, Trùng Hào của Văn Vương, dấu chân chim của Thương Hiệt văn ấy chẳng lưu truyền. Đến thời nhà Hán, có Hứa thận mới lưu xuất thuyết văn, chữ chỉ có 9000 dùng theo loại làm tường tự, đến nay dần khắp cùng nơi thế gian, văn ngôn có đến ba vạn. Đó là tùy theo con

người tùy theo thời đại hội y mà sản sinh, chẳng thể sánh vì với ngôn ngữ và sách vở của năm xứ Thiên Trúc là nhất mực chuẩn định.

Trên đây, lấy theo năm nghĩa để định quyết về Trung biên, có thể dùng để xét soi đó. Ngoài ra như đầu thời nhà Tùy có Sa-môn Thích Linh Dụ ở Ngụy Quận có nghi thuật về Thánh tích vậy.

CHƯƠNG IV: DI TÍCH

Từ thời nhà Hán đến thời tiền Đường, những người sang Ấn Độ trong đó Đạo chúng lắm nhiều chưa thể nói hết, như sự ghi chép ở sau. Vả lại y cứ ngay trong thời tiền Đường, năm trước sứ giả đã đi thì có ba đường. Y cứ theo đường đủ trải qua trông thấy các Di tích thì nay đây theo tuần tự mà trình bày.

Đường phía Đông theo hướng Tây bắc của Hà Châu vượt qua sông lớn lên đánh núi Mạn Thiên gồm 400 dặm đến Thiện Châu, lại theo hướng Tây gần 100 dặm đến Thiện Thành là thuộc địa của Trấn Cổ Châu vậy. Lại theo hướng Tây Nam gần trăm dặm đến Cố thừa phong mạo là xứ Tùy Hồ Thị, lại theo hướng Tây gần 200 dặm đến Thanh Hải, trong biển có núi nhỏ, chu vi biển ấy rộng hơn 700 dặm, theo hướng Tây Nam của biển là đến Thổ-cốc-hồn-nha-trướng, lại theo hướng Tây Nam đến ranh giới của nước ấy tên là Bạch Lan Khương, ranh giới phía Bắc là đến thành Tích Ngư, theo hướng Tây bắc là đến nước Đa-di. Lại theo hướng Tây Nam đến nước Tô-tỳ, theo hướng Tây nam đến nước Cẩm. Lại theo hướng Nam hơi lệch về hướng Đông đến nước Thổ Phiên. Lại theo hướng Tây nam đến nước Tiểu Dương Đồng. Lại theo hướng Tây Nam vượt qua ải Đút-thương-khả là biên giới phía Nam nước Thổ Phiên vậy. Lại theo hướng Đông hơi lệch về phía Nam, vượt qua Mạt thượng, thêm ải Tam Tỷ, theo hướng Đông nam đi vào hang, trải qua 13 tầng cấp thêm bay, 19 sạn đạo, lại theo hướng Đông nam hoặc Tây nam, vin cây men lạnh đi đường hoang dã hơn 14 ngày mới đến nước Ni-ba-la thuộc Bắc Ấn Độ (nước ấy cách nước Thổ Phiên khoảng 9000 dặm, giữa đường trong đó, từ Đông Xuyên; Thiện Châu đi hơn trăm dặm, lại theo hướng Bắc đi ra hơn 600 dặm đến Lương Châu. Về hướng Đông các kinh đô 2000 dặm. Từ Lương Châu theo hướng Tây hơi lệch về hướng Bắc cách 470 dặm là đến Cam Châu. Lại theo hướng Tây cách 400 dặm là đến Túc Châu. Lại theo hướng Tây hơi lệch về hướng Bắc cách 75 dặm là đến ải Ngọc môn cũ, ải đó nằm giữa khoảng núi hai phía Nam-bắc, lại theo hướng Tây gần 400 dặm là đến Qua Châu. Lại theo hướng Tây nam vào bãi sa mạc hơn 300 dặm là đến Sa Châu,

lại theo hướng Tây nam vào bãi sa mạc hơn 700 dặm là đến nước Nạp-phiệt-ba xưa cũ tức là Xứ Lũ Lan cũng còn gọi là Thiện Châu. Lại theo hướng Tây nam đi hơn ngàn dặm là đến nước Chiết-ma-đà-na, tức là xứ Thư mật. Lại theo hướng Tây đi hơn 600 dặm là đến nước Đô La xưa cũ, đều là thành quách hoang tàn. Lại theo hướng Tây vào đại Lưu Sa đi hơn 400 dặm là đến cảnh vực phía Đông nước Cù-tát-đát (theo Hán sử thì cho đó là Vu Điền, nơi trấn thú trị vì của nhà Hán trong thời đô hộ, về phía Đông nước đó cách thành Trường An 9. 670 dặm), ải ở đó tên là thành Ni Nhưông, người xứ đó tự cho là nước Vu Độn vậy. Chu vi nước đó hơn 4.000 dặm, cát sỏi nhiều hơn một nửa, chùa chiền có hơn trăm ngôi, chư Tăng có khoảng 5.000 vị học theo giáo pháp Đại thừa. Từ ải ấy đến sông Bể Ma cách hơn 200 dặm.

Trong thành Bể-ma có một tôn tượng đứng bằng gỗ Chiên-đàn cao hơn 2 trượng, rất lắm linh dị ánh sáng luôn tỏa phổng. Những người tật bệnh tùy sự thống khổ mà đem vàng mỏng thấp vào trên tượng bèn liền lành khỏi. Tôn tượng ấy vốn ở tại nước Kiêu Thưởng Di, do vua Ổ-đà-diểu-na tạo nên, tôn tượng vượt bay giữa không trung mà đến nước ấy. Về hướng Bắc là thành Hát-lao-lạc-ca có vị La-hán kỳ dị, mọi người thường sang kính lễ, mới đầu vua không tin đem cát bụi tung vãi nơi vị La-hán ấy. Vị La-hán ấy mới báo cùng người kính tin rằng: “Bảy ngày sau cát bụi sẽ tràn đầy khắp thành, sau đó hai ngày mưa vật báu đầy cả đường đi”. Đến đêm của ngày thứ 7 quả nhiên mưa đất bụi đầy thành, lược không đề sót người nào, người được báo trước, bèn dự bị làm hàng đất theo lối mà ra. Phía Đông đến Bể ma, tôn tượng ấy cũng đồng đến. Lại có dự ghi rằng: “Đến lúc giáo pháp hoại diệt, tôn tượng ấy sẽ vào Long cung. Thành hát Lao ấy đến nay là gò đồi lớn, vua muốn đào bới vật báu hẳn gặp phải phong biến.”

Lại từ thành Bể-ma theo hướng Tây đi khoảng 330 dặm mới đến Quốc Thành, nơi vua định đô. Theo hướng Nam cách khoảng 10 dặm có một ngôi chùa lớn do Tiên vương dựng tạo. Lại theo hướng Tây nam cách hơn 10 dặm có một ngôi chùa có tôn tượng đứng được ép dẹt bằng vải sợi. Tôn tượng ấy từ nước khuất chi đến. Xưa kia có kẻ bề tôi sang đó kính lễ, khi trở về quê cũ, kẻ bề tôi ấy xa nghĩ nhớ không thôi, tôn tượng ấy ban đêm bèn xuất hiện đến. Kẻ bề tôi đó mới xả thí vườn nhà làm chùa. Từ Đô thành về hướng Tây cách hơn 300 dặm là đến thành Bội-già-di, ở đó có tôn tượng ngồi cao 7 thước, tướng hảo không đâu sánh bằng, trên đầu tôn tượng có bảo quan thường luôn tỏa hiện ánh sáng. Từ Đô thành về hướng Tây cách khoảng 160 dặm, giữa đường chỉ

có bãi sa mạc lớn, chỉ có chuộc những thân mình lớn như con dím, lông sắc màu vàng bạc. Xưa trước Hung Nô đến đánh cướp, vua nguyện cầu chuộc linh ban đêm đến cắn người người ngựa, các thứ binh khí gãy đứt hư hoại, tự nhiên rút chạy lui. Từ Đô thành về hướng Tây cách khoảng năm dặm có một ngôi chùa có Bảo tháp cao hơn năm thước, phần nhiều hay hiện tượng tỏa phóng ánh sáng. Vua cảm được vào trăm viên xá-lợi, vì La-hán dùng tay phải nâng Bảo tháp đặt yên vào trong hộp mới hạ xuống không nghiêng động. Từ Đô thành về hướng Tây nam cách hơn 10 dặm có núi Cù-thất-lăng-già (Trung Hoa gọi là Ngũ Giác), ở đó có ngôi chùa có tôn tượng tỏa hiện ánh sáng. Xưa kia Đức Phật từng đến xứ đó vì các hàng trời người mà giảng pháp, dự ghi dựng lập nước ấy sùng kính cuyên học Đại thừa, trong thạch thất sơn nham có một vị La-hán nhập diệt tâm định chờ đợi Đức Phật Di Lặc từ thị ra đời. Trước đây khoảng vài trăm năm sườn núi sụp đổ bít lấp cửa ngõ. Biên giới phía Nam nước ấy tiếp liền với nước Đông nữ. Từ Quốc thành theo hướng Tây vượt qua núi hang đi hơn 800 dặm đến nước Chước-cu-ca (tức là trở cừ), cảnh vực phía Nam nước ấy chu vi hơn ngàn dặm, chùa Phật có hơn 10 ngôi, chư Tăng ngoài trăm vị đều học theo giáo pháp Đại thừa. Về phía Nam nước ấy có núi dựng tháp Đa-la, tùng suối xanh mát tốt tươi, Thanh thất sâu lắng, có 3 vị A-la-hán hiệu nhập Diệt Định, râu tóc luôn dài chư Tăng thường cắt cạo. Chư Tăng ở năm xứ Ấn Độ những vị tu hành chứng quả phần nhiều ở tại thất ấy. Lại theo hướng Bắc gần 300 dặm mới đến Đô thành, chu vi Đô thành ấy rộng hơn 10 dặm, núi đồi liền tiếp nhau phụ thuộc gắn liền với hai dòng sông. Lại theo hướng Tây bắc nước đó lên đỉnh núi Đại Sa, vượt qua sông Tỷ Đa cách hơn 500 dặm đến nước Khư Sa (tức là nước Sơ Lạc). Chu vi nước đó rộng hơn ngàn dặm, có khoảng vài trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vạn vị, đều tập học theo Tiểu thừa Hữu bộ, đất đai xứ đó có nhiều đá sỏi. Ở đó có tập tục người chết ép dầu dẹp mỏng.

Từ đó theo hướng Nam đi trên đường núi đồi hoang dã lấm đá sỏi hơn 500 dặm là đến nước Ô Sát, chu vi nước đó rộng hơn ngàn dặm, chu vi của Đô thành rộng hơn 10 dặm. Về phía Nam gần kề sông Tỷ Đa, dân chúng kính tin Phật pháp, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng ngàn vị đều tập học theo pháp Tiểu thừa, từ phía Tây Thành đô cách hơn 200 dặm đến núi lớn, trên đỉnh núi có ngôi tháp, vài trăm năm trước, sườn núi tự nhiên sụp đổ, trong đó có một vị Tỳ-kheo nhắm mắt tĩnh tọa, thân hình rất to lớn, râu tóc rũ xuống, che phủ cả mặt vai, vua nước ấy đem đầu tồ đến rưới vào và đánh kiền chùy, vị Tỳ-kheo ấy mở cao mắt trong nhìn

và hỏi rằng: “Thầy của ta là Đức Phật Ca-diếp-ba, đến nay mới nghe là đã nhập Niết-bàn ư?”. Lại hỏi: “Đức Phật Thích-ca đã ra đời chưa?”. Mọi người đáp: “Đã nhập Niết-bàn rồi”. Vị Tỳ-kheo ấy liền bay lên giữa hư không phóng hóa lửa tự thiêu thân. Đất xứ đó sản sinh ra các thứ ngọc trắng đen xanh v. v... Từ Quốc thành theo hướng Tây vượt qua sông lên Thông lãnh, men theo phía Đông sườn núi đi hơn 800 dặm là đến Phước Xá. Xứ đó nằm giữa bốn núi vuông rộng hơn trăm khoảng không có cây cối lớn chỉ có loài cỏ dại, nhân duyên như ở nói riêng.

Lại theo hướng Tây nam vượt Đại Lãnh đến nước Khiết-bàn-đà, chu vi nước đó rộng hơn 2.000 dặm, chu vi thành đô rộng hơn 50 dặm. Phía Bắc là gối lưng với sông Ấy Đa; nơi rất kính tin Phật pháp. Chùa chiền có hơn 10 ngôi, chúng Tăng có hơn 500 vị tu học theo phái Tiểu thừa hữu bộ. Về phía Đông nam nước đó có một thạch thất lớn và có hai cửa, mỗi bên có một vị A-la-hán nhập diệt tâm định đã trải qua hơn 700 năm, râu tóc mọc dài, mỗi năm có người riêng vì đến cắt cạo. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm mới đến Vương đô, về phía Đông nam gần sông Tỷ Đa, núi non tiếp liền. Lại theo hướng Tây hơi lệch về phía Nam leo lên núi. Băng tuyết trải dài hơn 500 dặm mới đến sông Ba-ma-la. Hai phía Đông-tây dài hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm, hoặc có nơi hẹp không tới 10 dặm, y cứ giữa khoảng Nam bắc của núi Tuyết. Đất thuần muối mặn nhiều đá, cây cỏ hiếm ít, không có người ở. Theo phía Nam của sông vượt qua núi có nước Bát-lộ-la. Sông đó tại trên Đại Thông lãnh, là núi cao nhất trong Thiệm Bộ châu, trong đó có ao Đại Long hai phía Đông-tây dài hơn 300 dặm hai phía Nam-bắc rộng hơn 50 dặm, sản sinh ra trứng lớn. Nước sông ấy theo dòng về hướng Tây chảy đến nước biên giới phía Đông Đạt-ma-tất-đế hợp cùng dòng với sông Phước sô. Nên từ đó trở về hướng Tây các dòng sông đều đổ về hướng Tây. Ở phía Đông phát xuất ra một dòng sông theo hướng Đông bắc chảy về đến biên giới phía Tây nước Khư-sa hợp cùng dòng với sông Tỷ Đa. Từ đó các sông ở phía Đông đều chảy đổ về hướng Đông. Ở phía chánh Nam của ao rồng là ao Vô nhiệt nã, về phía chánh Bắc là sông Thiên Truyền, ngay phía Nam của ao có đỉnh núi lớn lên tên là Bà-la-tê-la hai phía Nam-bắc cách xa nhau ba bốn trăm dặm. Đất ở đó rất cao, về phía Bắc của ao tức là Đại thông lãnh vậy. Theo Thủy kinh nói là: “Cao có thể hơn ngàn dặm, hai bên đầu thấp xuống, hai phía Nam-bắc đỉnh núi dựng đứng hàng số rất nhiều có hơn trăm khoản”. Có nhiều núi thông, ven núi nguy hiểm, cây thông sắc màu xanh biếc, nhân lấy đó mà đặt tên vậy. Phía Nam của đỉnh núi là

tiếp liền với núi tuyết, phía Bắc đến sông Thiên Tuyền xa dài khoảng 2.500 dặm, phía Đông đến tận nước Ô Sát, phía Tây tới nước Đạt Hoà dài xa hơn 3.000 dặm. Từ sông ấy theo hướng Tây nam vào núi hiểm hơn 700 dặm là đến nước thương Di, chu vi nước đó 2.600 dặm, đất xứ đô sản sinh giống Thư hoàng. Người dân nước đó kính tin Phật pháp, chỉ có hai ngôi chùa, chư Tăng cũng hiếm ít. Lại theo hướng Bắc vượt qua núi đá lớn nước Đa-ma-tất-đế là đến nước Thi-khí-ni, chi vi nước đó rộng hơn 2.000 dặm, núi đá sỏi tiếp liền với đồng hoang.

Lại theo hướng Nam vượt núi sông đến nước Đạt-ma-thiết-tất-đế (còn gọi là nước Thiết Khẩu, nước Hộ Mật) tức chốn đất xưa cũ của Đổ-hóa-la, tại giữa hai bên núi, hai phía Đông-tây dài rộng 1.500 dặm, hai phía Nam-bắc dài rộng gần 100 dặm, có nơi nhỏ hẹp chưa đến 10 dặm, phía Đông gần đến sông Phược sô, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng hiếm ít. Tại thành có ngôi chùa có tôn tượng đá phía trên giăng treo lọng tròn bằng vàng đồng, dùng các vật báu trang sức, như có người xoay chuyển quanh thì lọng cũng theo đó xoay chuyển, người dừng nghỉ, lọng cũng dừng yên. Khắp bốn phía là vách tường đá, chẳng thể lường biết cơ sao vậy, có thuyết cho là do sức Thánh tạo nên thế, hoặc có người cho đó là cơ quan bí mật. Lại theo hướng Tây nam lên núi vào hang đi hơn 500 dặm đến nước Quật-lãng-noa, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi hơn 2.000 dặm, hiếm ít người tin hướng Phật pháp. Lại theo hướng Tây bắc vượt qua đỉnh núi đi hơn 300 dặm đến nước Dâm-bạc-kiền, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng lớn 2.000 dặm, đô thành rộng lớn 10 dặm. Lại theo hướng Tây bắc vượt núi hang đi hơn 200 dặm đến nước Bát-đạt-sáng-na cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, Đô thành men trên sườn núi rộng khoảng sáu bảy dặm, có 4 ngôi chùa, chưa Tăng cũng hiếm ít. Cách núi hang về hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Tứ-ma-đát-la cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 3.000 dặm, núi sông gần một nửa, có vài mươi thành quách kiên cố. Lại theo hướng Tây vượt qua núi hang đi hơn 300 dặm đến nước Khất-lật-sất-ma cũng là chốn đất xưa cũ. Hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 300 dặm, chu vi đô thành rộng 15 dặm. Lại theo hướng Bắc đến nước Bát-lợi-hạt, cũng là chốn đất xưa cũ, rộng hơn trăm dặm, hai phía Nam-bắc dài rộng hơn 300 dặm, đô thành rộng hơn 20 dặm. Lại từ nước Khất-lật theo hướng Tây vượt qua núi cao vào hàng động, trải qua sông mới kinh thành đi hơn 300 dặm đến nước Mãng-kiền cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 400 dặm, chu vi đô thành rộng 16 dặm. Theo hướng Bắc vượt qua sông đến nước A-lợi-ni cũng là

chốn đất xưa cũ. Chu vi rộng hơn 300 dặm, men theo hai bên bờ sông Phước sông. Chu vi Đại thành rộng 15 dặm. Theo hướng Đông vượt qua sông đến nước Át-la-hồ, cũng là chốn đất xưa cũ, về phía Bắc gần sông trước, chu vi rộng hơn 200 dặm, chu vi Đại thành rộng 15 dặm.

Lại từ nước Măng Kiện theo hướng Tây đi hơn trăm dặm ra khỏi Thông lãnh, từ đầu hướng Tây men tìm theo núi xuống đến nước Hoạt, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm. vua nước đó là người Đột Quyết. Từ Thiết môn trở về hướng Tây, các nước nhỏ phần nhiều đều tùy thuộc Đột Quyết, là địa vực bình an, phong tục dân chúng phần nhiều kính tin Phật, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng khoảng vài trăm vị, tu học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Lại theo hướng Tây đến nước Phước Hạt, chu vi rộng khoảng bốn năm trăm dặm. Lại theo hướng Đông nam vượt qua núi hang và các Thánh đi hơn 300 dặm đến nước Hoạt-tất-đa, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi nước đó gần ngàn dặm, đô thành rộng hơn 10 dặm, núi nhiều, sông hẹp, rất mực gió lạnh, có 3 ngôi chùa chư Tăng hiếm ít. Lại theo hướng Đông nam vào hang vượt đảnh núi, qua các thành nhỏ đi hơn 400 dặm đến nước An-đát-la-phước cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi vương thành rộng 15 dặm đều thuộc nước Đột Quyết, có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài mươi vị, có một ngôi tháp của A-dục vương, núi đồi liền tiếp nhau, thường luôn rét lạnh, từ đó theo hướng Tây nam lên núi Tuyết lớn đến đầu phía Đông đảnh núi Bà-la-tê-la, đi suốt 3 ngày là đến trên đảnh núi, đứng đó trông nhìn khắp cùng Nam Thiệm Bộ châu, các núi thấy đều thấp nhỏ ở bốn phía. Lại men theo đảnh núi xuống, đi cũng mất ba ngày đến nơi đảnh núi cao với hang hốc quanh co phải đục băng mà vượt qua, theo hướng Tây trái qua biên giới nước Ca-tất-thí và vài mươi thành ấp nhỏ, lại theo hướng Tây nam đi vài mươi dặm mới đến Vương Đô. Lại theo hướng Tây hơi lệch phía Nam đi suốt 1.300 dặm, vượt qua núi sông đến nước Phất-lật-thị-tát-thàng-na, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm, dân chúng rất kính tin Phật pháp.

Từ đó theo hướng Nam đi hơn 500 dặm đến nước Tào-củ-tra (còn gọi là nước Tảo lợi), chu vi hơn 7.000 dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 30 dặm, núi sông gần một nửa, có khoảng trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài vạn vị đều theo học pháp Đại thừa, có 10 ngôi tháp của A-dục vương, vài mươi ngôi đều thờ trời, rất nhiều ngoại đạo, đất đai thích nghi với loại cây cỏ Uất kim hương, sản sinh các thứ cỏ Hưng-cù,

La-ma. Cảnh vực phía Nam sông Ấn Độ là núi Miêu-na-tứ-la, về phía Đông nam vương thành cách hơn 2.000 dặm đến nước Phật-thích-noa thuộc phía Tây Ấn Độ mới hợp hướng Bắc theo đường phía Nam đến cõi nước Phật. Từ đường ấy vào Ấn Độ, tức từ kinh đô theo hướng Tây bắc đi hơn 3.300 dặm đến Qua Châu. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm đến cửa ải Mạc-hạ-diên-thích, lại theo hướng Tây bắc đi hơn 800 dặm ra khỏi Diên thích đến huyện Nhu Viễn. Lại theo hướng Tây nam đi 160 dặm đến Huyện y, lại theo hướng Tây đi hơn 700 dặm đến huyện Bồ Xương, lại theo hướng Tây đi hơn trăm dặm đến Tây Châu; tức chốn đất xưa cũ của Cao Xương, là nơi trị vì của Nghi hòa Đô úy ở thời nhà Hán. Về sau trở về kinh Vương lánh nạn đến ở đó, nay là thuộc trong bờ cõi canh phòng.

Lại theo hướng Tây đi hơn 700 dặm nước A-kỳ-ni (tức là nước Ô Kỳ) hai phía Đông-tây rộng hơn 600 dặm, chu vi độ thành rộng khoảng sáu bảy dặm. Chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng hơn vài ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa Thuyết - nhất thiết - hữu bộ. Giới hạnh tinh cần, dùng ăn Tam tịnh nhục. Từ Hắc lãnh ấy, người Hồ đông nhiều quý trọng của cải, khinh tiện lễ nghi, không có lễ kính, vợ chồng Tôn ti tốt xấu đều đồng nhất. Tốt xấu trắng đen đều là phục chế. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm, vượt qua một núi nhỏ hai sông lớn, men theo đường sông đi hơn 700 dặm đến nước Khuất Chi (tức nước Khâu Tư = Quy Tư), hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 600 dặm, chu vi Vương thành rộng 17 - 18 dặm. Có hơn 100 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, đều học theo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ, cũng ăn dùng tam tịnh nhục, phong tục dân chúng rất kính tin Phật pháp. Dân chúng ở Vương thành dựng tạp tháp tượng nhiều không thể kể hết. Cảnh vực phía Đông trong thành lớn có đền thờ Trời, lúc rông trong ao xuất hiện giao cầu với ngựa cái sinh ra Long câu, lúc mới sinh rất ngang bướng, dần dần điều phục mới đúng giá. Nên người nước đó phần nhiều khéo giỏi điều phục ngựa. Có vị vua gần đây tên là Kim Hoa cảm được thấy rồng cưỡi xe vua, muốn đến lúc cuối đưa roi xúc chạm đến lỗ tai, nhân đó rồng bèn ẩn mất, và vua cùng vợ sinh một con trai mạnh khỏe nhanh nhẹn. vua kéo dất người nước Đột Quyết đánh dẹp dân chúng thành đô nên khiến hoang tàn. Từ thành đô theo hướng Bắc đi hơn 400 dặm về phía Đông đến chùa chiền Hồ Ly, trong Phật đường có tảng ngọc thạch vuông rộng 2 thước, trên mặt có dấu chân Đức Phật dài một thước tám tấc, rộng sáu tấc, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Ngoài cửa phía Tây Vương thành, hai bên

đường đi có những tôn tượng Phật đứng mỗi mỗi cao hơn 90 thước. Ở đó cứ 5 năm một lần lập Đàn thiết hội. Về phía Tây có chùa A-xa-lý-nhi; theo tiếng Trung Hoa gọi đó là chùa Kỳ Đặc. Xưa kia vua ra ngoài lễ bái tham quan Thánh tích. Mẹ và em ở lại giữ, nhân tự cất thế vì đề phòng dèm pha mờ tối. vua rất lấy làm lạ về người em, sau gặp người khỏe mạnh, 500 năm bèn xót thương mà chuộc lại đó, căn lực từ thiện, hình tướng nam tử chợt sinh, bèn không vào vương cung, vua rất lấy làm kỳ đặc, nhân lấy đó mà đặt chùa.

Lại theo hướng Tây, trải qua bãi sa mạc nhỏ đi hơn 600 dặm đến nước Bạt-lục-ca (xưa trước gọi đó là Cô Mặc, còn gọi là Hàm Mặc), hai phía Đông-tây rộng hơn 600 dặm, hai phía Nam-bắc hơn 300 dặm, chu vi Vương thành 50 dặm. Chùa chiền có khoảng vài mươi ngôi, chư Tăng hơn ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm, vượt qua sỏi đá đến Lăng Sơn tức đầu nguồn phía Bắc Thông lãnh, nước các sông ở đó phần nhiều xuôi chảy về hướng Đông. Theo đường đó đi không được mặc áo đỏ, mang bầu nước và tiếng kêu réo. Nếu có trái phạm thì rồng hay khiến gió bay mưa cát, nếu gặp hẳn đều bị vùi lấp. Theo đường núi đi về hướng Tây cách hơn 400 dặm đến ao hồ nước trong sạch lớn (còn gọi là Nhiệt hải, cũng gọi là biển muối), chu vi rộng hơn ngàn dặm, hai phía Đông-tây dài, ở bốn phía có núi, người đi đường cầu phước. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 500 dặm đến thành Tố diệt thủy, chu vi rộng khoảng sáu bảy dặm, thương nhân người Hồ sống lẫn lộn, từ đó trở về hướng Tây có khoảng vài mươi thành đơn độc cũng vậy. Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm là đến Thiên Tuyền, nước suối tuôn đổ rất nhiều lan rộng ra vuông hơn 200 dặm, mặt phía Nam là núi Tuyết duỗi xuống ba thêm cấp bằng phẳng. Lại theo hướng Tây đi khoảng 150 dặm đến thành Đát-la-tư, lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm đến Thành cung kính.

Lại theo hướng Nam đi 50 dặm đến nước Nô-xích-kiến, chu vi rộng hơn ngàn dặm. Lại theo hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Giả Thời (Trung Hoa gọi là nước Thạch) chu vi rộng hơn ngàn dặm phía Tây gần sông Tố Diệp. Lại theo hướng Đông nam đi hơn ngàn dặm đến nước Túng Hãn, chu vi rộng hơn 4.000 dặm, núi bao bọc khắp bốn phía. Lại theo hướng Tây đi hơn ngàn dặm đến nước Tất-đồ-lợi-sất-na, chu vi rộng 1.400 dặm về phía Đông gần sông Tố diệp. Sông Tố Diệp đổ dòng nước ra phía Bắc Thông lãnh. Dòng phía tây Bắc lại chảy về phía Tây bắc vào bãi sa mạc lớn, đi khoảng hơn 500 dặm là đến nước Táp-mạc-kiến (Trung Hoa gọi là nước Khương, chu vi rộng hơn 1.600 dặm, hai

phía Nam-bắc nhỏ hẹp. Chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm là nơi rất mực hiểm trở kiên cố. Từ đó theo hướng Đông nam đi đến nước Nhị-mạc-hạ (tức là nước Mễ). Chu vi vây quanh khoảng bốn năm trăm dặm, hai phía Đông-tây nhỏ hẹp. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Kiếp-bố-thư-na (tức là nước Tào) chu vi chu vi rộng một ngàn bốn năm trăm dặm, hai phía Đông-tây rất dài, lại theo hướng Tây đi hơn 300 dặm đến nước Khuất-sương-nị-la (tức là nước Hà), chu vi đồng như nước Tào mà hai phía Đông-tây nhỏ hẹp. Lại theo hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Hát Hãn (tức là nước Đông An) chu vi rộng hơn ngàn dặm.

Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm đến nước Bộ Hãn (tức là nước Trung An), chu vi hơn 1.700 dặm, hai phía Đông-tây kéo dài. Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm đến nước Phật Địa (tức là nước Tây An) chu vi rộng hơn 400 dặm. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 500 dặm đến nước Hóa-lợi-tập-di-khư, dọc theo hai bên bờ sông phước sô hai phía Đông-tây dài khoảng 30 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm. Lại từ nước Táp-mạc-kiến theo hướng Tây nam đi hơn 300 dặm đến nước Yết-sương-na (tức là nước sử) chu vi rộng khoảng 1.500 dặm. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm vào núi lớn, đường núi hiểm tuyệt lại thiếu người vật. Lại theo hướng Đông nam đi bằng đường núi hơn 300 dặm đến ải thiết môn hai phía tả hữu toàn vách đá sắc màu như sắt, cửa sắt kiên cố, nơi cánh cửa treo linh khánh hiện còn, tức cửa phía Tây đồn ải của nước Hán vậy. Ra cửa ải Thiết môn tức đến chỗ đất xưa cũ của nước Đổ-hóa-la (xưa trước gọi là nước Thổ Hỏa la), hai phía Nam-bắc rộng hơn ngàn dặm, hai phía Đông-tây dài hơn 3.000 dặm. Phía Đông dân cư đến Thông lãnh, phía Tây tiếp liền với Ba Tư, phía Nam là núi tuyết lớn, phía Bắc y cứ đến Thiết môn, cảnh vực trong sông lớn Phước sô theo dòng chảy về hướng Tây, trong đó tự phân thành 27 nước. Hàng năm bắt đầu từ ngày 17 tháng 12, chư Tăng an cư, do vì xứ đó ấm nóng nhiều mưa nên vậy. Dọc theo dòng sông về hướng Bắc đến nước Đát-mật, hai phía Đông-tây dài hơn 600 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 400 dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm. Có 10 ngôi chùa, chư Tăng ngoài ngàn vị. Có Tất-đổ-ba (tức là tên khác xưa trước của Tháp như gọi là Thâu Bà v. v...) tôn tượng Phật rất linh dị. Lại theo hướng Đông đến nước Xích-ngạc-diễn-na, hai phía Đông-tây rộng hơn 400 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Lại theo hướng Đông đến nước Nhẫn-lộ-ma, hai phía Đông-tây rộng hơn trăm dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 300 dặm. Chu vi vương thành rộng hơn 16 - 17 dặm. Có hai ngôi chùa,

chư Tăng đông hơn trăm vị. Theo hướng Đông đến nước Thâu mạn, hai phía Đông-tây dài hơn 400 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm. Có hai ngôi chùa chư Tăng cũng không đông nhiều. Về phía Tây nam gần sông Phược sô, thuận tiện đến nước Cúc-hòa-diễn-na, hai phía Đông-tây rộng hơn 200 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 300 dặm. Vương thành rộng hơn 10 dặm. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng có hơn trăm vị. Lại theo hướng Đông đến nước Hoàng sa, hai phía Đông-tây rộng hơn 300 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm, chu vi Vương Thành rộng khoảng 16 - 17 dặm.

Lại theo hướng Đông đến nước Kha-đốt-la, nước ấy dài rộng có hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm. Theo hướng Đông tiếp liền với Thông lãnh đến nước Câu-mê-đà, hai phía Đông-tây dài hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng cũng hơn 2.000 dặm, y cứ trong Đại Thông lãnh, chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm, về phía Tây nam gần sông Phược sô, phía Nam nước ấy tiếp liền với nước Thi-khí-ni, phía Nam vượt qua sông ấy đến các nước Đạt-ma-tất-đế v. v... giữa đường như trước nêu dẫn. Lại từ thiết môn theo hướng Nam hơi lệch về phía Đông đi hơn 500 dặm đến nước (Phược hát) còn một đường từ phía Tây nam nước Câu Mê đến nước Phược-già-lăng, hai phía Đông-tây rộng hơn 50 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 200 dặm, đô thành rộng hơn 10 dặm. Lại theo hướng nam đến nước Hột-lộ-tất-mãn-kiện, chu vi nước ấy rộng hơn ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng 15 dặm. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Nhãn Lãm, chu vi rộng hơn 800 dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 15 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 500 vị. Lại theo hướng Tây đến nước Phược-hát, hai phía Đông-tây dài hơn 800 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 400 dặm, về phía Bắc gần sông Phược sô. Chu vi Vương thành hơn 20 dặm, thuần phong mỹ tục nước ấy được xưng gọi là Tiểu vương xá thành, chùa chiền có hơn trăm ngôi, chư Tăng có hơn 2000 vị đều học pháp Tiểu thừa. Về phía Tây nam ngoài Vương thành có chùa Nạp Phược (Trung Hoa gọi là chùa Tân) nằm ở phía Bắc núi Tuyết. Các Pháp sư làm luận tán tụng chùa ấy, cơ nghiệp không sụp đổ, tôn tượng được đắp bằng các trân báu ánh ngời, có tượng Tỳ Sa-môn bảo vệ chung quanh. Có khí hộ người Đột Quyết muốn đánh phá chùa ấy cướp lấy các vật báu. Kéo quân lính đến ở bên cạnh chùa, ban đêm mộng thấy Thiên vương nắm mác dài đâm xuyên hàng ngực, run sợ toát mồ hôi, quả tim đau nhói, nhân đó bèn chết. Trong nhà chùa có bồn Phật tắm rửa có thể chứa đựng hơn một thăng nước, màu sắc xen tạp ánh ngời khó thể gọi là vàng hay đá. Lại có chiếc răng của Đức Phật dài

hơn một tấc, rộng tám chín phân, sắc màu vàng trắng mà sáng sạch, lại có cải chổi Đức Phật quét dùng làm bằng cỏ ca xa dài hơn 2 thước, lớn khoảng 7 tấc, dùng các vật báu tạp để làm cán. Đến những ngày trai, ba vật ấy do cảm pháp tục nên tỏa phóng ánh sáng lớn, có phù đồ lớn cao hơn 200 thước, dùng chất Kim cang để đắp thép và các vật báu để trang nghiêm đó. Lại có xá-lợi của Đức Phật có lúc tỏa phóng ánh sáng thần, lại có các vị A-la-hán nhập Niết-bàn thị hiện sức thần mà dựng lập tháp. Tuy có những vị đã chứng quả mà không thị hiện thần thông nên không dựng lập tháp. Về phía Tây Bắc của Vương thành cách khoảng hơn 50 dặm có thành Đề Vị, về phía chánh Bắc của Vương thành cách hơn 40 dặm có thành Ba lợi, mỗi nơi đều có phù đồ cao hơn 3 trượng tức Đức Phật Thích-ca mở đầu hiến dâng ban miếu, trưởng giả dựng lập để phụng thờ tóc và móng tay. Lại có y Tăng-già-chi, Tăng-tức-kỳ, lại che phủ bình bát, chống dựng tích trượng, theo thứ tự mà bày số, nghi thức dựng lập tháp, khiến y cứ theo đó mà tạo dựng. Về phía Tây của Vương thành cách khoảng 70 dặm có ngôi Phù đồ dựng lập từ thời Đức Phật Ca-diếp-ba cao hơn 2 trượng. Lại từ Đại thành theo hướng Tây nam vào núi Tuyết đi bằng đường sông hơn 30 dặm đến nước Du-mạc-đà, hai phía Đông-tây dài hơn năm sáu trăm dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm.

Lại theo hướng Tây nam đi 300 dặm đến nước Hồ Thật Kiến, hai phía Đông-tây rộng hơn 500 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm có nhiều núi sông. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Đát-thích-kiện, hai phía Đông-nam rộng hơn 500 dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm, phía Tây tiếp liền ranh giới của nước Ba-thích-tư. Lại từ nước Phược hát theo hướng Đông đến nước Nhãn Lãm, từ đó theo hướng Đông nam đến nước Hột-lộ-tất-mãn-kiện cách xa hơn ngàn dặm. Từ đó về phía Bắc gần nước Phược-già-lãng, hai phía Đông-tây rộng hơn 50 dặm, về phía Đông Bắc nước đó tiếp liền với nước Hoạt. Lại từ nước Phược-hát theo hướng Nam đi hơn trăm dặm đến nước yết chức, hai phía Đông-tây dài hơn 500 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 300 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 5 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị đều tu học theo pháp Tiểu thừa, nước đó gò đồi liền tiếp nhau theo hướng Đông nam vào núi tuyết lớn, cách hơn 600 dặm ra khỏi chốn đất xưa cũ của nước Đổ-hóa-la. Lại đến nước Phạm-diễn-na, hai phía Đông-tây dài hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 300 dặm, Đô thành tại trong núi tuyết y cứ nơi hàng núi hiểm trở, có khoảng vài mươi ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài ngàn vị, đều

học theo pháp Tiểu thừa xuất thế bộ. Về phía Đông bắc Vương thành là núi sông có tôn tượng Phật bằng đá lớn cao 150 thước, dùng các chất vàng vật báu để trang nghiêm. Lại về phía Đông bên tả của chùa có tôn Đức Phật Thích-ca đứng bằng đá thau cao hơn trăm thước phân thân riêng chú đức hợp thành, dựng lập ở phía Đông của Thành cách khoảng 3 dặm. Tại chùa có tôn tượng đắp họa Đức Phật nằm nhập Niết-bàn dài hơn ngàn thước cũng dùng bằng các chất vàng báu để trang nghiêm. Về phía Đông nam cách hơn 200 dặm vượt qua phía Đông núi tuyết lớn có ngôi chùa có chiếc răng của Đức Phật và răng của vị Độc giác ở thời sơ kiếp dài hơn 5 tấc rộng gần 4 tấc, lại chiếc răng của Kim luân vương dài ba tấc rộng 2 tấc, lại có bình bát bằng sắt của Đại A-la-hán Thương-nặc-ca-phước-bà (tức Tôn giả Thương-na-hòa-tu vị Tổ sư được phú pháp tạng thứ 3) có thể chứa đựng 9 tháng, và pháp y Tăng-già-chi 9 điều sắc màu rắng đỏ, dùng bằng da cỏ thiết nặc tích tập thành. Các đời trước đến giải hạ tự tứ mang có ấy ra bố thí, do phước lực của chúng Tăng khắp cùng, 500 thân trung ấn sống thường mặc đó, từ trong bào thai cùng ra bèn theo thân mà lớn. Tôn giả A-nan lui được độ, biến làm pháp phục, từ lúc thọ giới Cụ túc trở về sau lại biến thành y 9 điều, còn chiếc răng, bình bát v. v... đều cùng chất vàng phong bít, vị La-hán chứng diệt nhập biên tế định, do sức trí nguyện nên lưu giữ pháp y ca sa đợi đến lúc di pháp diệt hết mới biến hoại, nay đã có sự hư tổn phần nào, tin thật có chứng nghiệm vậy. Từ núi tuyết lớn theo hướng Đông vào sông đầm nhỏ vào núi tuyết, vượt qua Hắc lãnh đến nước Ca-tất-thí chu vi rộng lớn hơn 4.000 dặm, phía Bắc gối lưng núi tuyết đuổi ba đường Hắc lãnh, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, chùa chiền có hơn trăm ngôi chư Tăng hơn 6.000 vị, phần nhiều học theo giáo pháp Đại thừa. vua nước ấy kính tin Tam bảo, mỗi năm tạo tôn tượng Phật cao tượng tám bằng bạc tự tu tạo cúng dường. Đền thờ trời có vài mươi ngôi, các hàng vị Đạo có hơn ngàn người. Từ Vương thành về phía Đông đi cách 3 dặm đến hướng Bắc xuống núi, có chùa lớn Phật viện, phía Nam Đông môn có tượng Đại thần vương, dưới chân phải có kho tàng báu lớn, gần đây có vị vua xứ khác muốn xua đuổi chư Tăng để đào bới đó, từ trong mũ thần tượng chim oanh vũ phẩn phát tung bay kêu hót, quả đất chấn động, vua quân đều ngã té, đứng dậy sám tạ mà trở về. Trên đỉnh núi phía Bắc chùa có vài Thạch thất cũng có nhiều kho tàng quý báu, như người muốn gian tà, thần Dược-xoa liền biến thành Sư tử, răntrùng hiện đến quấy động sân tức đó. Về phía Tây Thạch thất cách khoảng ba dặm trên đỉnh núi lớn có Tôn tượng Bồ-tát

Quán Tự Tại. Nếu người chí thành cầu nguyện thì tôn tượng hần hiện Diệu thân dạy răn úy an hành giả. Về phía Đông nam của Thành cách hơn 30 dặm có chùa Hạc-la-hổ-la do vị Đại thần tạo dựng nên đặt gọi tên như vậy. Có Phù đồ cao hơn trăm thước. Xin trước ban đêm Đại thần mộng thấy khiến tạo Phù đồ nên đến nơi vua cũng thỉnh xá-lợi. Đến sáng sớm vua vào cung, có người mang bình xá-lợi. Đại thần lưu giữ xá-lợi lại, bảo người ấy vào trước và liền mang bình vào trong tháp, nắm bát tự mở, đặt trí xá-lợi xong, vua sai kẻ sứ đuổi theo tìm đến thì Đá đã hợp lại. Đến những ngày trai thì tỏa phóng ánh sáng soi chiếu ngoài hắc du, ban đêm nghe có tiếng âm nhạc. Về phía Tây bắc của thành cách hơn 200 dặm trên đỉnh núi Tuyết lớn có ao rộng, nên ngay dưới núi vì rộng mà dựng lập chùa, trong tháp có xá-lợi cốt thịt của Đức Phật nhiều hơn cả thặng, có lúc khói nổi tỏa, hoặc có lúc như lửa dữ cháy bùng, đến lúc dần tắt mới thấy xá-lợi tướng trạng như châu ngọc sắc trắng nhiều quanh trụ rồi trở lại xuống hang trong tháp. Về phía Tây bắc của thành trên bờ phía Nam sông lớn trong chùa cổ vương có chiếc răng sữa của Đức Phật dài hơn một tấc. Lại từ đó theo hướng Đông nam sang chùa Cổ vương có một mảnh Di cốt đánh đầu của Đức Phật lớn hơn một tấc màu vàng trắng các lỗ chân tóc rõ ràng, tóc của Đức Phật sắc màu xanh cuộn tròn xoay theo phía hữu, kéo ra dài hơn một thước, cuộn lại còn khoảng 1 tấc. Lại nữa, về phía Tây nam chùa Cổ Vương Phi có phù đồ bằng vàng đồng cao hơn trăm thước, xá-lợi của Đức Phật nhiều hơn một thặng. Mỗi tháng vào đêm mười lăm tỏa phóng ánh sáng xoay chuyển cuộn tròn, đến sáng ngày mới thu gọn vào lại trong tháp.

Về phía Tây nam của thành, nên đỉnh núi Tỳ-la-bà-lạc (tức núi Tượng Kiên) xây dựng một ngôi tháp cao hơn trăm thước trên tảng đá lớn, xá-lợi có hơn 1 thặng. Nơi hang suối phía Bắc núi là nơi đạo phẩm nhận cơm cúng dường của sơn thần thọ dụng rồi, súc miệng, tước dương chi (xỉa răng), nhân đó sinh mọc đến nay thành rừng tươi tốt, chùa ấy hiệu là Dương chi. Lại từ ao rộng theo hướng Đông đi hơn 600 dặm, vượt qua núi Tuyết và Hắc lãnh đến ranh giới của Bắc Ấn Độ. Các áp trước kia đều gọi là nước Hồ, đến đây mới hợp với đường trung gian.

Xứ đó tên là nước Lạ Ba (nhiếp thuộc của Bắc Ấn Độ, vào địa vực của Bà-la-môn ở Thiên Trúc vậy). Cảnh vực của 5 xứ Ấn Độ chu vi hơn 9 vạn dặm, ba mặt vùng ven biển lớn, về phía Bắc gối lưng núi Tuyết, phía Bắc rộng phía Nam hẹp hình như bán nguyệt. Có hơn 70 nước đồng một vương mạng. Nước Lạ Ba ở phía Tây ao Vô nhiệt não, tựa các nước Hồ, Hoạt ở phía Bắc. Ở phía Đông nam ba mặt là Hắc

lãnh, phía Bắc ước chừng là núi Tuyết, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít, phần nhiều đều học theo giáo pháp Đại thừa. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đặc biệt lắm nhiều. Từ đó, theo hướng Đông nam vượt qua đỉnh núi lớn sông lớn đến nước Na-già-la-hạt (tức là thành Hoa thị xưa cũ thuộc Bắc Ấn Độ) rộng hơn 600 dặm dài hơn 200 dặm, núi bao bọc bốn phía. Chu vi Đô thành hơn 200 dặm, chùa chiền mà chư Tăng hiếm ít, có 5 ngôi đền thờ trời, Di Đạo có khoảng trăm người. Ở phía Đông Đô thành cách khoảng 2 dặm có tháp đá cao 300 thước, xếp đá làm hang chạm trổ điêu khắc khác thường. Đó tức là nơi xưa kia Đức Phật Thích-ca gặp Phật Nhiên Đăng mà trải y da nai và tóc trên bùn để Đức Phật Nhiên Đăng giẫm bước qua, tuy đã trải qua nhiều kiếp mà vẫn hiện còn. Vua vô ưu kính trọng trùng hưng giáo pháp, xây dựng tháp đó ghi nêu lời Minh Chí. Mỗi tháng đến các ngày trai, trời mưa hoa báu, Đại chúng nhóm tập nông xem. Về phía Tây có chùa Phật, tiếp đến phía Nam có Tháp nhỏ đó là nơi che phủ bùn sinh. vua tránh đường lớn bèn dựng lập nhỏ hẹp. Phía trong thành, nền móng xưa cũ của tháp lớn hiện còn. Riêng có ngôi tháp phụng thờ rằng Đức Phật cao hơn 3 trượng, tương truyền là giữ không trung bay lại, chẳng phải do công sức con người tạo dựng nên, thật nhiều linh dị. Về phía Tây nam của thành cách hơn 10 dặm có ngôi tháp là nói xưa kia Đức Phật Thích-ca từ Trung Ấn Độ bay vượt giữa không trung đến in lại dấu vết. Tiếp theo về hướng Đông có ngôi tháp, tức nói xưa kia Đức Phật Thích-ca gặp Phật Nhiên Đăng mà mua hoa cúng dường. Về phía Đông nam của thành cách hơn 20 dặm trên đỉnh núi đá nhỏ có ngôi tháp cao hơn 200 thước. Về phía Tây nam có khe suối sâu dòng nước tuông đổ vắt treo trên sườn núi như tấm thảm. Nơi vách đá ở bờ phía Đông có hang động lớn là nơi Long vương cư ngụ, cửa đi hẹp tối, là nơi xưa kia Đức Phật đến giáo hóa rồng lưu lại ảnh bóng, rục rờ như hình thật. Những người chí thành cầu thỉnh mới dần hiện rõ. Phía ngoài hang có tảng đá vuông có dấu chân Phật, tướng thiên bức luân tỏa phóng ánh sáng. Về phía Tây bắc của hang có ngôi tháp là nơi xưa kia Đức Phật kinh hành, bên cạnh lại có tháp thờ tóc mong tay, lại có tháp thuyết uẩn giới. Về phía Tây của hang trên tảng đá lớn có đường văn giặt rửa pháp y ca sa. Về phía Đông nam của thành cách hơn 30 dặm có thành Hê-la, bốn phía bao quanh hiểm trở, bên trong có Trùng các, phía trên tôn thờ cốt xương đỉnh đầu Đức Phật, chu vi rộng một thước hai tấc sắc màu vàng trắng, lỗ chân tóc rõ ràng. Như người muốn biết được thiện ác dùng bột hương in vào đó tức liền tùy tâm mà

hiện. Có đầu lâu Đức Phật tướng trạng như lá sen, sắc màu đồng như cốt xương đánh đầu, có tròng mắt Phật lớn như trái táo. Sắc màu trắng sạch ánh ngời, và ngôi tháp nhỏ bảy báu đầy ba vết tích trước, lại dùng hộp báu để tôn trí mà phụng phất lại, lại có đại y của Đức Phật bằng gìa nhỏ mịn sắc màu vàng đặt trong hộp báu có chút ít tướng trạng hư hoại. Có chiếc tích tượng của Đức Phật dùng bằng sắt trắng làm vòng, gỗ Chiên-đàn làm cán, dùng ống đồng vật báu để tôn trí đó. Gần đây có vị vua cây thế sức lực đem vào trong cung, sau đó bỗng nhiên trở lại như cũ. Nơi 5 thành tích ấy, vua ban sắc 5 người Tịnh hạnh ở đó gìn giữ bảo hộ. Nếu ai cầu muốn được trông xem thì phải đóng thuế một tiền vàng, xin in ấn thuế 5 khoa báu mới trở lại trông xem lễ bái càng nhiều lần. Về phía Tây bắc của Trùng các có ngôi tháp nhỏ mà lăm linh dị, nếu người đưa tay xúc chạm vào liền có tiếng linh khánh báo động.

Từ đó theo hướng Đông nam vào trong hang núi đi hơn 500 dặm đến trước Kiên-đà-la (thuộc Bắc Ấn Độ, hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, dài 800 dặm, ở phía Đông gần sông Tín độ. Chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, ít chỗ hoang trống, chùa chiền có hơn ngàn ngôi, đền thờ thờ có trăm ngôi, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Bên trong thành về phía Đông bắc có nền cũ và đài tôn thờ bình bát vật báu của Đức Phật đã trải qua vài trăm năm, nay vẫn còn tôn trí cúng dường tại trong vương cung nước Ba Tư. Về phía Đông nam của thành cách khoảng tám chín dặm có cây Tất-bát-la cao hơn trăm thước, cành lá tươi tốt phủ che kín khắp, bốn Đức Phật xưa trước ngôi dưới gốc cây ấy, nay hiện có tôn tượng ngôi. Tương truyền rằng: Chư Phật trong thời Hiền kiếp đều ngồi dưới gốc cây ấy. Xưa kia Đức Phật Thích-ca đến ngồi dưới gốc cây ấy rồi bảo Tôn giả A-nan rằng: “Sau này vua Ca-nị-sắc-ca sẽ nhóm tập cốt thịt của Ta tại đây”. Quả thật về sau vua đến tại phía Nam xây dựng nền móng tháp, chu vi một dặm rưỡi, dùng vàng đồng làm tướng vòng tròn 25 lớp, hoặc có thuyết nói làm 40 tầng cao 550 thước, có một học xá-lợi của Đức Phật, mới đầu có biến hóa người chăn trâu đến nơi rừng tạo tháp nhỏ cao 3 thước, vua vất bỏ đó, mới đến dưới thêm cấp thứ hai của tháp lớn bên cạnh một nửa nền tầng đá hiện tháp nhỏ, những người tật bệnh quy hướng bèn liền lánh khỏi. Trên mặt đá xinh đẹp ở phía Đông tháp lớn, xưa kia có loài kiến sắc màu vàng rờn lớn tợ ngón tay hạt thóc cùng nhau gặm nhấm vách đá nổi hiện đường văn tợ như điêu khắc rồi dùng cát vàng đắp làm hai tôn tượng Đức Phật ngôi kiết già cao bốn thước sáu tấc. Lại ở trên mặt đá xinh đẹp phía Nam họa hình tượng Đức Phật cao tượng sáu. Xưa kia có 2 người nghèo khổ mỗi người cúng thí

một tiền vàng cùng đắp họa một hình tượng Đức Phật, thỉnh cầu ứng hiện thân biến, tôn tượng liền hiện từ ngực trở lên phân làm 2 thân, từ ngực trở xuống hợp làm một hình. Từ đó đi về phía Nam hơn trăm bộ có một tôn tượng Đức Phật bằng đá trắng cao một trượng sáu thước, mặt xoay về phía Bắc tỏa phóng ánh sáng ban đêm xuất hiện đi nhiều quanh tháp. Có bọn giặc cướp muốn đến trộm vật, tôn tượng ấy liền ra nghênh đón, bọn giặc cướp rút lui, tôn tượng trở lại như cũ. Hai bên tháp lớn có hàng trăm ngôi tháp nhỏ do các thầy thợ tài giỏi trang sức rất mực khéo léo, hương hoa âm nhạc thay đổi khác lạ, có các vị Tiên Thánh đi nhiều chung quanh, Đức Phật có dự ghi về tháp lớn ấy rằng: “Phải trải qua 7 lần bị thiêu rụi bảy lần xây dựng lại, Phật pháp mới hủy diệt”. Đến nay đã bị thiêu đốt đến lần thứ ba và hiện đang tạo dựng lại. Về phía Tây có ngôi chùa cũ đều do các vua đời trước tạo dựng nên, là nơi các đại luận sư như Bồ-tát Thế Thân, luận sư Như Ý, Hiệp Tôn giả v. v... tạo luận Tỳ-bà-sa. Về phía Đông bắc chùa ấy cách hơn 50 dặm, vượt qua dòng sông lớn đến thành Bồ-yết-la-phạt-đề, chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm. Về phía Đông có ngôi tháp nơi 4 Đức Phật giảng nói pháp do vua Vô Ưu tạo dựng cao vài trăm thước, chạm trổ điêu khắc đường nét hiểm có ở đời. Lại về phía Bắc của Thành cách khoảng 5 dặm có ngôi chùa cũ, về phía Đông có ngôi tháp cao vài trăm thước, tức là nơi Bồ-tát xả thí ngàn con mắt. Lại về phía Đông có một ngôi tháp đá cao hơn trăm thước, mới đầu các vị Phạm thiên Đế-thích dùng các châu ngọc quý báu để trang sức tháp đó, đến lúc Đức Phật diệt độ, các vật báu biến thành vàng thành đá. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi tháp là nơi Đức Phật giáo hóa mẹ con loài quỷ. Lại theo hướng Bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi tháp, tức là nơi Bồ-tát Thương-mục-ca (Trung Hoa gọi là Thiểm) bị vua bắn. Lại về hướng Đông nam khoảng 200 dặm là thành Bạt-lỗ-sa. Lại về phía Đông bắc cách hơn 20 dặm là núi Đản-đa-ạc-ca (tức là Đản-đặc), trên đỉnh núi có ngôi tháp, là chỗ lầu ẩn của Tu-đạt-noa (tức Thiện Nha) nơi Bà-la-môn đánh hai đứa con trai gái của Thái tử máu đổ thấm nơi đất, nay các cây cỏ ở đó đều đồng sắc màu rắng đỏ. Trên đỉnh núi có Thạch thất là nơi công phu tập hành Thiền định. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn trăm dặm vượt qua núi nhỏ đến núi lớn, về phía Nam có một ngôi chùa tháp. Chư Tăng đều học theo giáo pháp Đại thừa là nơi xưa kia có vô tướng Độc giác Đại tiên bị người nữ nhiễu loạn. Về phía Đông của thành cát cách khoảng 500 dặm có một núi lớn, ở đó có một đền thờ trời lớn. Về phía Đông nam đền ấy cách khoảng 150 dặm đến thành Ô-đạt-ca-hàn-trà, chu vi rộng hơn 20 dặm, phía Nam gần sông

Tín Độ.

Từ phía Bắc thành ấy vượt qua núi đi khoảng 600 dặm đến nước Ô-trương-na (là nước chánh của Bắc Ấn Độ, xưa trước gọi là Ô Trường), núi hang liên tiếp nhau, chu vi khoảng 5.000 dặm, xưa trước là vườn của Luân vương, đất đai thích hợp với loài Uất kim hương, cặp theo sông Tô-bà-tốt-đổ, chu vi vương thành rộng khoảng 14 - 15 dặm. Có 1.400 ngôi chùa, chư Tăng có 18.000 vị đều học theo giáo pháp Đại thừa, nay lắm hoang tàn hiếmthiếu người học giáo nghĩa Đại thừa, bao quát văn sơ lược nghĩa, kinh luật truyền dày gồm có 5 bộ: 1 là pháp Mật bộ, 2 là Hóa địa bộ là Âm Quang bộ, 4 là Thuyết nhất thiết hữu bộ và 5 là Đại chúng bộ. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. vua đóng đô tại thành Măng-yết-ly. Từ đó về phía Đông cách khoảng 5 dặm có một ngôi tháp lớn lắm điếm tốt lành, là xưa trước Đức Phật làm bị Tiên nhân nhục bị vua Yết Lợi (Trung Hoa gọi là Đấu tránh) lóc thịt. Về phía Đông Bắc của thành cách 260 dặm vào núi lớn đến suối rồng A-ba-ca, tức là Hà Nguyên xưa trước vậy, mạch nước xuôi dòng về phía Tây nam, suốt mùa xuân hạ đều đóng băng, sớm tối hơi tuyết lan tỏa, xưa kia Đức Phật giáo hóa rồng dữ, dùng chày Kim cang đánh vào sườn núi, rồng khiếp sợ mà quy y cầu xin Phật sẽ tuôn đổ mưa, Đức Phật mới hứa thuận đó, khiến cho mọi người thấu hoạch lương thực. Cứ 12 năm có một lần mưa Thủy tai. Lại nữa, về phía Tây nam ủa suối 30 dặm, trên tảng đá lớn ở bờ sông phía Bắc là nơi Đức Phật nhiếp phục rồng rồi để lại dấu vết nêu bày đó, tùy tâm mọi người mà thấy có dài ngắn. Lại xuôi theo dòng cách hơn 30 dặm có tảng đá nơi Đức Phật tẩy giặt y ca sa đường vẫn như khắc chạm. Về phía Nam của Thành cách hơn 400 dặm là hàng núi Hê-la, dòng nước chảy ngược lại, trên phía Đông hoa quả xanh tốt cả sườn núi. Hoặc nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng, có những tảng đá vuông liên tiếp nhau, đó là nơi xưa kia đạo phẩm nghe nửa bài kệ mà xả thí thân mạng. Về phía Nam của Thành cách hơn 200 dặm, bên cạnh núi lớn có chùa Ma-ha-phạt-na (Trung Hoa gọi là Đại Lâm), là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Tát-phước-đạt-la (tức Nhất thiết thí) bị mất nước trốn lánh đất làm người nghèo khổ bị trói buộc đưa đi. Về phía Tây bắc của chùa xuống núi cách hơn 40 dặm có ngôi chùa, tháp cao hơn trăm thước, bên cạnh trên tảng đá vuông có dấu chân Phật luôn tỏa phóng ánh sáng soi chiếu vào chùa, là nơi Đức Phật vì chư thiên mà giảng thuyết về Bản sinh. Phía dưới tháp có tảng đá sắc màu vàng trắng trơn nhờn, là nơi xưa kia Đức Phật vì nghe pháp mà chẻ cốt xương ghi tả kinh. Lại về hướng Tây cách 70 dặm có ngôi

tháp, là nơi Đức Phật xưa trước làm vua Thi-tỳ-ca lóc thịt thân mình thay thế cho chim Bồ-tát. Lại về hướng Tây cách hơn 200 dặm là sông sang Ni-la-án có chùa Tát-bầu-sát-địa (tức là Xà Dược) có ngôi tháp cao 80 thước, là nơi xưa kia Đức Phật làm thân Đế-thích làm thân hình rắn lớn ngã té chết để thí cấp cho người khổ đói dịch bệnh. Bên cạnh có tháp Tô-ma, đó là nơi Đức Phật biến thân hóa làm rắn Tô-ma, những người ăn thịt rắn bệnh liền lành hẳn. Ở trên bờ phía Bắc dòng sông có ngôi tháp, người bệnh đến nguyện cầu nhiều kẻ được lành mạnh. Lại nữa, bên cạnh có dòng suối nước tuôn trào, là nơi xưa kia Đức Phật làm chim khổng tước chừa bữa mổ ra dùng để cứu người bệnh. Về phía Tây nam của thành cách 70 dặm ở phía Đông của dòng sông lớn có ngôi tháp cao 60 thước do vua Ốt-đất-la-tê-na (Trung Hoa gọi là Thượng Quân) tạo dựng, Đức Phật bảo đem xá-lợi cho vua phân chia tại bờ sông mà dựng lập tháp, vua dùng Bách tượng mang chở về. Bách tượng bàn hóa thành đá. Từ Thành về phía Tây cách hơn 50 dặm, vượt qua sông lớn có tháp Lô-hê-đát-ca cao hơn 50 thước, là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Từ Lực chích máu cho 5 Dược-xoa uống. Về phía Đông bắc của thành cách 30 dặm có Tháp đá Át-bộ-đa (Trung Hoa gọi là Kỳ Đặc) cao 40 thước là nơi xưa kia Đức Phật vì người trời mà giảng pháp, tháp ấy từ đất xuất hiện ra đến nay 40 dặm có chùa Tinh xá, có tôn tượng Bồ-tát A-phước-chỉ-chỉ-y-thấp-phạt-la (tức là Quan Thế Âm) linh cảm soi chiếu đến tận phương xa. Từ đó về phía Tây cách 150 dặm trên đỉnh núi có ao rộng chu vi rộng hơn 30 dặm. Từ Vương thành về phía Đông Bắc vượt qua núi hang ngược lên sông Tín Độ, đi đường bộ rất hiểm trở phải nương cầu dây cọc móc từng bước men lên, qua hơn ngàn dặm mới đến sông Đạt-lệ-la, tức đô thành xưa cũ của Ô-trượng-na, trong ngôi chùa lớn có khắc chạm tôn tượng Bồ-tát Mộc-mai-đát-lệ-da (xưa trước gọi là Di Lạc, Trung Hoa gọi là Từ Thị) sắc màu vàng ròng ngời sáng cao hơn trăm thước, do A-la-hán Mạc-điền-chỉ-la (tức là Mạc-điền-địa) tu tạo nên, vận dụng sức thần thông dẫn đưa các người thợ tài giỏi lên trên cung trời Đổ-sử-la (tức là Đâu suất), ba lần lên xuống trông xem hình tướng của Bồ-tát mới tạo thành tự tượng hải ấy. Từ khi có tôn tượng ấy, Phật pháp mới lưu truyền đến phương Đông.

Lại theo hướng Đông vượt qua đỉnh núi đi ngược dòng sông Tín độ, giã trái mọi hiểm trở, qua cầu bay, đi hơn 500 dặm, vượt qua dòng sông, lại theo hướng Đông vượt qua sông Phước-sô lên trên hiểm nguy mới đến nước Bát-lộ-la, chu vi rộng 4.000 dặm nằm trong núi tuyết lớn, hai phía Đông-tây rất dài, chùa chiền có vài trăm ngôi, chư Tăng có vài

ngàn vị, các sư học, giới hạnh phần nhiều xen lạp, nước đó chẳng thuộc sự thống ngự của Ấn Độ, có nhiều băng tuyết, đất đai sản sinh ra vòng sắc màu như lửa, phía Bắc đối diện với đỉnh núi lớn Bà-la-tê-la. Trở lại phía Nam thành Ô-đạt-ca nước Kiên-đà-là sông Tín độ, hai phía Đông-tây dài 4 dặm, dòng nước xuôi chảy về phía Tây nam, trong lũng như gương soi. Có rồng độc thú dữ ở trong hạng động, như có người mang theo xá-lợi hoặc hoa báu qua sông, phần nhiều ghe thuyền đều bị đắm chìm. Từ sông Tín độ đến nước Đát-xoa-thỉ-la (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, chùa chiền lắm nhiều mà chư Tăng thiếu ít, đều thọ học theo giáo nghĩa Đại thừa. Về phía Tây bắc của thành có ao rồng Y-bát-la, chu vi rộng hơn trăm bộ, về phía Đông nam của ao cách 30 dặm, giữa khoảng hai bên sườn núi có ngôi tháp cao hơn 100 thước, xưa trước Đức Phật dự ghi cho Đức Từ Thị xuất hiện ra đời, trong bến Đại tạng, nơi đó lưu xuất một tạng, nên có chấn động, chu vi xứ đó rộng khoảng năm bộ, chưa từng có một chút lay động. Như có muốn phát, đất liền chấn động, con người ngã té. Từ thành về phía Bắc cách 12 dặm có một ngôi tháp, đến những ngày trai trường luôn tỏa phóng ánh sáng thân, có cả hoa tiên, nhạc trời. Gần đây có người mắc bệnh phong hủi đi đến nơi tháp lễ bái sám hối, khi trừ cấu uế, bôi thoa hương thơm, không bao lâu bệnh được lành hẳn, thân thể trở lại sạch sẽ thơm tho. Đó là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Chiên-đạt-la-bát-thích-bà (Trung Ha gọi là Nguyệt Quang) đem đầu mà xả thí, phàm đã trải qua ngàn lần xả thí nơi tháp đó, nên xưng gọi tháp đó tên là Nguyệt Quang vậy. Về phía Đông nam của thành, trên núi có ngôi tháp cao 10 trượng, lúc vua Quyết mục trị vì tại đó, vua A-dục tạo dựng nên vậy.

Lại theo hướng Đông nam vượt qua núi hàng cách hơn 700 dặm đến nước Tăng-già-bổ-la (thuộc bắc Ấn Độ) chu vi rộng 3.500 dặm, phía Tây gần sông Tín độ, chu vi thành lớn rộng khoảng 14 - 15 dặm, về phía Đông của thành cách 50 dặm có ngôi tháp đá cao hơn 20 trượng, là nơi Đức Phật đã từng đến, có hơn 10 cái ao cong, hoa sen bốn màu tràn đầy trong đó. Từ đó về hướng Nam trở ngược đến biên giới phía Bắc nước Đát-xoa-thỉ-la, men theo sông Tín độ về hướng Đông đi hơn 200 dặm vượt qua cửa đá lớn là nơi Vương tử Ma-ha-tát-đỏa xả thân để cứu hổ đói. Ở phía Đông có ngôi chùa, chư Tăng khoảng hơn trăm vị. Lại theo hướng Nam đi khoảng 150 dặm có ngôi tháp đá là nơi Vương tử Tát Đỏa dùng tre đâm chính máu cho thú vật ăn, đất và cây cỏ ở đó đến nay hiện còn sắc màu rắng đỏ. Tiếp đến phía Bắc có ngôi tháp đá cao

hơn 20 trượng, thường luôn tỏa phóng ánh sáng khai mở đức tin, những người tật bệnh quy hướng, phần nhiều được lành mạnh. Lại theo hướng Đông đi hơn 50 dặm đến Cô Sơn có ngôi chùa, tháp cao hơn 200 thước. Tầng chúng có 200 vị đều thọ học giáo pháp Đại thừa, là nói xưa kia Đức Phật giáo hóa Dục-xoa không ăn thịt. Lại theo hướng Đông nam đi đường núi hơn 500 dặm đến nước Ô-thích-thi (thuộc bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, núi đồi liên tiếp nhau, chu vi Đô thành rộng 18 dặm. Xứ ấy không tin Phật pháp, thuộc Ca-thấp-di-la, có ngôi tháp Phật cao hơn 20 trượng, do vua A-dục tạo dựng, có chùa, chư Tăng thiếu ít, thọ học giáo pháp Đại thừa.

Lại theo hướng Đông nam leo lên núi vượt qua cầu sắt đi hơn ngàn dặm đến nước Ca-thấp-di-la (thuộc Bắc Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Kế Tân), chu vi rộng 7.000 dặm, bốn mặt đều tựa vào núi, tuy có cửa đi nhỏ hẹp mà kim thông. Phía Tây của thành gần sông lớn, dài 13 dặm rộng 4 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị. Đất đai sản sinh ra rồng giống ngựa, uất kim hỏa châu. Có 4 ngôi tháp, mỗi ngôi có hơn một thăng xá-lợi. Sau Phật nhập Niết-bàn trong trăm năm thứ tư, bảy giờ Hiếp Tôn giả đã 80 tuổi mới xuất gia, chứng đắc vô học dẫn 500 vị A-la-hán đến đó tạo 10 vạn kệ tụng, Ô-ba-đệ-thước-thích-đát-lãm-tạng (tức là dị danh cửa Ưu-ba-đề-xá-luận, Tu-đa-la-tạng), tiếp theo tạo 10 vạn kệ tụng A-tỳ-kiến-ma-luận có 660 vạn lời, giải thích đầy đủ về Tam tạng. Về phía Đông nam của Tân thành cách hơn 10 dặm là phía Bắc cố thành, phía Nam núi lớn có chùa tháp, chư Tăng có 300 vị, có chiếc răng thật dài một tấc rưỡi sắc màu vàng trắng, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Lại theo hướng Nam đi khoảng 15 dặm có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng, nếu người nguyện muốn trông thấy, đoạn thực liền thấy. Về phía Tây bắc của Vương thành cách hơn 200 dặm đến chùa Thương Lâm. Về phía Tây của thành cách 500 dặm là dòng sông lớn, phía Bắc tiếp liền với núi, có ngôi chùa, chư Tăng hơn trăm vị. Từ đó theo hướng Tây nam vượt đi đường núi hơn 700 dặm nước Bán-nê-tha (tức là Kế Tân thuộc Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, có 5 ngôi chùa, lắm nhiều núi sông.

Từ đó, về phía Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Át-la-xà-bổ (là nước hoang phục, chẳng phải chánh Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 10 dặm, có 10 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít có một ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông nhiều. Từ nước Lạm Ba đến đây hình thể bỉ bạch chẳng phải chánh cảnh của Ấn Độ. Từ đó xuống núi theo hướng Đông nam mà đi đều là sông lớn dài

xa không bờ mé, chỉ lấy dòng sông phân làm ranh giới biên bộ của các nước, tuy có núi nhỏ nhưng đều đứng đơn lẻ. Từ đó về hướng Bắc tiếp liền với núi tuyết, phía Đông đến tận Thần Châu, chương bộ trở về hướng Nam đến núi tuyết. Căn cứ núi này cũng là trấn địa lớn của Thiệm bộ châu, từ thành ấy về phía Đông nam xuống dần bằng phẳng, vượt đi đường sông hơn 700 dặm đến nước Trách Ca (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn vạn dặm, phía Đông y cứ sông Tỳ-bà-xa, phía Tây gần sông Tín độ, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, tập tục ít tin Phật pháp, phần nhiều phụng thờ trời thần, có hơn 10 ngôi chùa, đền thờ Trời có đến hàng trăm ngôi. Về phía Tây nam của Thành cách 15 dặm là thành Xa-yết-la xưa cũ, chùa tháp cao hơn 20 trượng, nơi xưa kia bốn Đức Phật giảng nói pháp, kinh hành. Lại về hướng Tây bắc cách khoảng 6 dặm có ngôi tháp cao hơn 20 trượng cũng là nơi bốn Đức Phật giảng nói pháp. Về phía Đông bắc của Tân thành đô cách hơn 10 dặm có ngôi tháp đá cao hơn 20 trượng có nhiều xá-lợi, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng.

Từ đó đi về hướng Đông hơn 500 dặm đến nước Na-bộc-đế (thuộc bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 14-15 dặm, có 10 ngôi chùa, 8 ngôi đền thờ trời, tháp thờ xá-lợi Phật có trăm ngàn ngôi và Thạch thất v. v... chư Tăng có 300 vị đều học theo Tiểu thừa Thuyết hữu bộ, đức hạnh thanh cao, rộng thông tiểu học, ngàn Đức Phật trong thời Hiền kiếp đều giảng nói pháp ấy. Sau khi Đức Phật Thích-ca nhập Niết-bàn trong trăm năm thứ ba, Tôn giả Ca-đa-diễn-na (Ca-chiên-diên) đến đó tạo phát trí luận, chùa tháp cao hơn 20 trượng, có chỗ vẽ tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó về hướng Đông đi 150 dặm đến nước Xà-lạn-đạt-na (thuộc Bắc Ấn Độ), hai phía Đông-tây dài hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 600 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm. Có 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, tùy học Đại thừa Tiểu thừa chuyên môn, có ba ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo có 500 vị. Từ đó về phía Đông bắc vượt núi hơn 700 dặm đến nước Khuất-lộ-đa-la (thuộc Bắc Ấn Độ), núi bao bọc khắp bốn phía, chu vi Đô thành khoảng 14-15 dặm. Có hơn 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị phần nhiều thọ học theo giáo pháp Đại thừa, có 15 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn, lưu xuất hỏa châu mưa đá, tục anh thả... trong thành có ngôi tháp ghi là Đức Phật từng đến đó giảng pháp. Từ đó theo hướng Bắc đi gần 2.000 dặm bằng đường núi nguy hiểm đến nước Lạc-hộ-la (thuộc Bắc Ấn Độ). Lại theo hướng Bắc đi đường núi hơn 2.000 dặm, tuyết lạnh rất lắm, đến nước Mạc-la-bà

(còn gọi là Tam-ba-ha, chẳng nhiếp thuộc Bắc Ấn Độ). Lại từ Quắc-lô-la theo hướng Nam đi hơn 700 dặm trèo qua núi lội qua sông đến nước Thiết-đa-đồ-lô (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, phía Tây gần sông lớn, chu vi Đô thành rộng 17-18 dặm, xứ đó Phật pháp rất hưng thịnh, trong và ngoài thành có 10 ngôi chùa, chư Tăng cũng thiếu ít. Từ thành về hướng Đông cách dặm có ngôi tháp cao 20 trượng do vua A-dục tạo dựng nên, bên cạnh có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó theo hướng Đông nam đi hơn 800 dặm đến nước Ba-ly-đạ-đát-la (vào Trung Ấn Độ) chu vi rộng 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 15 dặm, có 8 ngôi chùa, chư Tăng cũng hiếm thiếu, phong tục tin theo ngoại đạo. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo có lưu ngàn vị, xứ đó có giống thóc gieo trồng 60 ngày là thu hoạch.

Từ đó, theo hướng Đông đi hơn 500 dặm đến nước Mạc-thô-la (thuộc Trung Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Ma-thâu-la) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, chùa chiền có hơn 20 ngôi, chư Tăng có hơn 2.000 vị, tập học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 5 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, đất đai gieo trồng giống Quả Am-một-la, loại nhỏ lúc mới ra sắc xanh lúc chín sắc vàng, loại lớn trước sau đều thuần sắc xanh. Trong thành có 3 ngôi tháp. Di tích của 4 Đức Phật có lắm nhiều, và pháp của các Tôn giả Xá-lợi-tử, Một-đặc-ca-la-tử (Mục Kiền Liên), Mãn-từ-tử (Phú-lâu-na), Ưu-bà-ly (Ưu-ba-ly), A-nan-đà, La-hổ-la, Mạn-thù-thất-lợi v. v... Thường ba tháng trường, 6 thời, chư Tăng ni nhóm tập chúng A-tỳ-đạt-ma cúng dường tháp Tôn giả Xá-lợi-phất, chúng tập định cúng dường tháp Tôn giả Mục Kiền Liên. Chúng tụng kinh cúng dường tháp Tôn giả Mãn-từ-tử. Chúng Tỳ-nại-da cúng dường tháp Tôn giả Ưu-bà-ly. Chúng chư Ni cúng dường tháp Tôn giả A-nan. Chúng chưa thọ giới cụ túc (Sadi) cúng dường tháp Tôn giả La-hổ-la. Chúng Đại thừa cúng dường tháp chư vị Bồ-tát. Tìm xét các pháp ấy chẳng hẳn có di thân, chỉ lập tôn tượng thiết cùng, dùng để tỏ bày tâm nguyện, như chư vị La-hổ-la, Văn-thù-sư-lợi chưa lấy sự diệt độ thì có thể biết đó. Từ thành về hướng Đông cách khoảng 6 dặm có chùa Sơn Nhại là do Tôn giả Ô-ba-cúc-đa (Trung Hoa dịch nghĩa là Cận Hộ) tạo dựng nên có tháp thờ móng tay của đạo phẩm. Về phía bắc của chùa có Thất Sơn nham cao 2 trượng rộng 3 trượng, có thể nhỏ 4 tấc đặt để ở đó. Gần đây có vợ chồng Hộ đạo cùng chứng quả A-la-hán, đưa một thẻ trái ngược đó chẳng ghi tại nơi thất. Lại nữa, về phía Đông nam của thất cách hơn 20 dặm, bên cạnh ao cạn lớn có ngôi tháp, đạo phẩm từng đến đó có con khỉ bưng mật dâng cúng

Phật. Đức Phật bảo đem hòa với nước cúng dường cả Đại chúng đồng uống. Con khỉ vui mừng nhảy nhót rơi xuống hố mà chết bèn được thác sinh trong loài người. Trong rừng ở phía bắc của ao, nơi bốn Đức Phật kinh hành có các di tích lớn. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Tát-đà-nê-thấp-phạt-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 700 vị đều tập học giáo nghĩa Tiểu thừa, có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo rất đông nhiều. Về phía Tây bắc cửa thành cách khoảng 4 dặm có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, tôn thờ một tăng xá-lợi. Về phía Nam cửa Thành cách hơn 100 dặm đến nơi chùa Phật.

Lại theo hướng Đông bắc đi hơn trăm dặm đến nước Tát-lục-lặc-na (thuộc Trung nd), chu vi rộng hơn 6.000 dặm, có phần hoang sơ, cảnh vực phía Đông gần sông Khắc-già (tức sông Hằng xưa trước), phía Bắc tiếp giáp với núi lớn, phía Đông nam của thành là sông Diêm-mâu-na, sông ấy từ trong núi ở phía Tây bắc nước đó đổ ra cảnh vực giữa nước mà xuôi dòng. Chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, phía Đông gần sông Diêm Mâu, có 5 ngôi chùa, chư Tăng có hơn ngàn vị tập học giáo pháp cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đông nhiều. Phía Tây dòng sông có ngôi chùa lớn, có ngôi tháp ngoài cửa phía Đông, xưa kia Đức Phật từng đến đó thuyết pháp độ người, bên cạnh đó có tháp thờ tóc móng tay Đức Phật. Từ sông Diêm Mâu về phía Đông hơn 800 dặm là đến nguồn sông Khắc-già rộng khoảng 3-4 dặm xuôi dòng về phía Đông nam đổ vào biển rộng hơn 10 dặm, nước sắc mà xanh thắm, mùi vị ngọt ngon, cát nhỏ mịn theo dòng mà chảy, thế tục tương truyền đó là dòng sông nước phước, người nào tắm gội thì tiêu trừ được tội chướng, hoặc có người xem thường mạng sống mà tự đắm mình cho là được sinh lên trời hưởng thọ phước lạc. Có nơi mà Bồ-tát Đề Bà người nước Tăng-già-la giáo hóa ngoại đạo khiến quy hướng thọ học chánh pháp.

Từ đó vượt qua sông theo hướng Đông đến nước Mạc-đế-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 20 dặm, xứ ấy không tin Phật pháp mà kính thờ trời. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 800 vị, phần nhiều tập học giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống xen tạp, cảnh vực phía Tây bắc nước đó là sông Khắc-già, ở bờ phía Đông là thành Ma-du-la chu vi rộng hơn 20 dặm, là xứ sản sinh đá, thau, thủy tinh. Bên cạnh Thành gần sông lớn, có đền thờ trời rất lớn, lắm nhiều oai linh, có ao hồ sắp xếp đá làm bờ, dẫn sông làm bãi. Cả 5 xứ Ấn Độ đều cho là

cửa sông Khắc-già là nơi sinh phước diệt tội, thường có trăm ngàn người đến tắm gội. Từ phía Bắc thành Ma-du-la đi hơn 300 dặm đến nước Bà-la-cấp-ma-bổ-la (thuộc Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, núi bao bọc quanh bốn phía, chu vi Đô thành hơn 20 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng thiếu ít, có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống xen tạp, về phía bắc nước ấy là núi Tuyết lớn có nước Tô-phạt-thích-noa-cù-đát-la (tức là nước kim thị) sản sinh loại vàng ròng trên, hai phía Đông-tây đất dài rộng tức nước Đông nữ, chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ, lại liền gọi là nước Đại Dương Hồng, phía Đông tiếp liền Thổ Phiên, phía Tây tiếp liền Tam-ba-ha, phía bắc tiếp liền nước Vu Điền. Nước đó ở đời lấy người nữ làm vua, người nam cũng làm vua nhưng không biết, nên người nam chỉ đi chinh chiến gieo trồng ruộng đồng mà thôi.

Lại từ nước Mạc-đề-bổ-la theo hướng Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Cù-tỳ-sương-na (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, Đô thành rộng khoảng 14 -15 dặm. Có hai ngôi chùa, chư Tăng khoảng hơn trăm vị mà tập tục giáo pháp Tiểu thừa, có hơn 30 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lộn xộn, thành quách bền chắc cao vợi, bên cạnh thành có ngôi chùa cổ, có tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến nơi đó dừng ở một tháng giảng nói pháp, có hai ngôi tháp thờ móng tay và tóc của Đức Phật cao hơn 1 trượng, bên cạnh có vết tích của bốn đũa Phật ngồi. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Ác-hê-chế-đát-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 17-18 dặm. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 9 người đền thờ trời, phía ngoài bên cạnh ao là nơi Đức Phật vì rồng mà giảng pháp suốt 7 ngày, dựng lập tháp bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền, dựng lập tháp để tán dương đó. Lại theo hướng Nam đi 270 dặm vượt qua sông Khắc-già. Lại theo hướng Tây nam đến nước Tỳ-la-sang-noa (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm. Xứ đó rất tin ngoại đạo, ít kính Phật pháp. Có 2 ngôi chùa, chư Tăng có 300 vị đều tập học giáo pháp Đại thừa, có 5 ngôi đền thờ trời. Trong Thánh có chùa, tháp cao hơn 10 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến nơi đó suốt 7 ngày giảng nói pháp uẩn giới. Vết tích của Đức Phật kinh hành tọa thiền đến nay vẫn hiện còn.

Từ đó, theo hướng Đông nam đi hơn 200 dặm đến nước kiếp Tỷ Tha (thuộc Trung Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Tăng-già-xá), chi vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi đô thành rộng hơn 20 dặm. Có 4 ngôi chùa,

chư Tăng có hơn ngàn vị, có 10 ngôi đền thờ trời đồng tôn thờ Đại tự tại thiên, đều tạo tôn tượng trời, tướng trạng như người mà căn hình dài lớn. Người đời không lấy làm việc xấu ác vì đều cho rằng các hàng chúng sinh từ căn trời sinh ra. Từ thành vì hướng Đông cách hơn 20 dặm, trong ngôi chùa lớn chư Tăng khoảng trăm vị, Tịnh nhân có vài vạn người đều làm nhà ở bên cạnh chùa. Trong tường lớn có Thiên đế tạo ba thêm cấp bằng vật báu, thêm cấp ở giữa làm bằng vàng ròng thêm cấp bên tả bằng thủy tinh, thêm cấp bên hữu làm bằng bạc trắng, theo hướng Nam bắc mà bày, mặt phía Đông cắm sâu xuống đất. Đó là nói xưa kia Đức Phật từ rừng Thệ Đa (tức là rừng Kỳ Đà) lên cung trời đến thiện pháp đường vì Thánh mẫu ma gia suốt 3 tháng giảng nói pháp rồi trở xuống. Trăm năm về trước, thêm cấp ấy vẫn còn, đến nay đều ẩn mất dưới đất, về sau có vị vua bắt chước làm theo đó còn cao hơn 70 thước, phía trên dựng lập tinh xá, bên cạnh có trụ đá lóng bóng sáng ngời ảnh hiện, tùy theo tội phước của mỗi người mà trông thấy ảnh hiện trong trụ. vua A-dục dựng lập phù đồ bên cạnh thêm cấp, nơi vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền, nơi Đức Phật tắm rửa đều có dựng lập tháp đều có dựng lập tháp. Ở đó có tinh xà nói Đức Phật nhập thất. Lại bên cạnh nơi Đức Phật kinh hành có nền tảng đá dài 50 bộ cao 7 thước, nơi viết chân giẫm phủ đầu có đường văn hoa sen, hai bên nền tảng có các ngôi tháp nhỏ do các vị Phạm vương tạo dựng. Tiếp theo phía trước là nơi Tỳ-khưu ni Liên-hoa-sắc hóa làm Luân vương đến trông thấy đón Đức Phật trước. Đức Phật bảo Liên-hoa-sắc rằng: “Chẳng phải người là người thấy đón trước, có Tô-bộ-đề (Tu-bồ-đề) an tọa trong thạch thất chứng biết các pháp tánh vốn không nên đã thấy pháp thân ta trước”. Tiếp theo về phía Đông nam có ao hồ, nói rằng ở luôn bảo hộ Thánh tích, không thể khinh thường xem phạm.

Từ đó theo hướng Tây bắc đi gồm 200 dặm đến nước Yết-nhã-cúc-xà (tức thành khúc nữ, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi hơn 400 dặm, phía Tây đô thành gồm sông Khắc-già, dài hơn 20 dặm rộng khoảng 4-5 dặm, tà chánh xen lẫn cùng một nửa. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vạn vị, thọ học giáo pháp và Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hơn 200 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo khoảng vài ngàn vị. Đó tức là Thành đô của cả 5 xứ Ấn Độ, vua hiệu là Hy-la-dật-đa (tức là giới Nhật) dòng họ Phệ-xa. Mới đầu muốn lên ngôi, nhân ở bên bờ sông khắc già có tên tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, vua mới cầu thỉnh đó. Được Bồ-tát dạy bảo rằng: “Ông vốn là vị Tỳ-khưu Lan Nhã ở rừng này, vua Kim Nhĩ Nguyệt đã phá diệt Phật pháp. Ông lên làm vua phải nên trùng hưng

lại, lấy sự thương xót muôn vật làm lòng, mới làm vua cả 5 xứ nên phải cẩn trọng chớ lên tòa sư tử và xưng hiệu Đại vương”. Vua mới cùng các Đồng tử đánh diệt hết các ngoại đạo và đồ chúng của Kim Nhĩ Nguyệt, lại đính ước nghiêm lệnh. Nếu có người ăn thịt thì cắt lưỡi, người giết hại sinh mạng thì chặt tay. Vua và người em gái góa cùng trông coi chăm lo việc nước nhà. Đến bên cạnh sông Khắc-già dựng tạo ngàn ngôi Phù Đồ, mỗi một ngôi cao hơn trăm thước, khắp cả thành ấp thôn xóm tụ lạc đến những ngỏ hẻm đường thông, đều dựng lập Tinh xá tích trữ lương thực, mở mang thuốc men để ban cấp bệnh tật nghèo cùng. Những nơi Thánh tích đều dựng lập chùa. Suốt 20 năm trở lại, cứ 5 năm mở hội một lần, dốc hết kho tàng ban cấp mọi người, chỉ lưu giữ binh khí, dùng đủ chắt lọc phòng. Ngày đầu tiên mở hội, nhóm tập thỉnh mời chư Tăng ở các nước, suốt trong 21 ngày cúng dường tứ sự, khiến cùng nhau luận bàn. Với những vị giới hạnh trinh thuần kiên cố, đạo đức ưu việt đượm nhuần. Vua bèn thỉnh mời lên tòa sư tử và cầu xin thọ giới. Với những vị thanh tịnh vô học, vua tỏ bày sùng kính ngưỡng, với các vị uest hạnh hiện bày thì vua liền xua đuổi ra khỏi nước nhà. Đối với các vị vương thần biết gieo tạo mọi việc phước lành không biếng nhác, thì vua kéo tay cùng ngồi, còn ngược lại thì vua chẳng đoái hoài trông nhìn. Vua đi tuần xét phong tục khắc các địa phương, chẳng thường dừng ở một nơi. Những lúc hẵn có bốn bộ binh lính dẫn đường rất nghiêm mật, chèo thuyền cỡi voi, đánh trống thổi loa. Quân voi có cả tám vạn, oai phong tỏa khắp bốn phương. Vua chỉ hai ba tháng không ra ngoài vãn du. Ở trong cung mỗi ngày cúng dường các vị Sa-môn, chư Tăng có cả ngàn vị, có 500 Bà-la-môn. Mỗi ngày thời gian phân thành 3 phần. Một phần chuyên xử lý mọi việc, hai phần chuyên tu mọi phước thiện. Lại dứt tuyệt ăn dùng máu thịt, mỗi ngày theo lệ chỉ ăn một bữa. Ở bên cạnh phía tây dòng sông, phía Đông của chùa tạo dựng một đài báu cao hơn trăm thước, bên trong có tôn tượng bằng vàng thân ngang như hình người, tiếp đến ở phía Nam xây dựng một đài báu nơi tắm rửa tôn tượng Phật. Từ đó về hướng Đông bắc cách 15 dặm riêng xây dựng hành cung, từ chùa đến cung các đoạn đường hẹp làm các, chạm trở điêu khắc đến cùng, các thứ kỹ nhạc chẳng đổi dời luôn xúm quanh hòa tấu mà thôi. Lại tạo tôn tượng bằng vàng cao ba thước lúc che ẩn lúc để hiện bày, dùng voi lớn màn báu che phủ phía trên, vua tạo tượng Đế-thích cầm nắm lọng báu đứng hầu bên tả. Có vua Câu-ma-la (tức là Đồng tử) ở nước Ca-ma-lũ-ba tạo tượng Phạm vương cầm nắm phát trần đứng hầu phía hữu. Mỗi mỗi có 500 quân lính voi mang mặc áo giáp đồng hộ

vệ. Trước sau mỗi mỗi có trăm voi lớn. Các nhạc nhân ngồi trên đánh tor61ng hòa tấu âm nhạc. vua giới nhật lại đem các thứ vàng bạc châu hương hoa theo ra tung rải cúng dường Tam bảo. Tại 5 xứ Ấn Độ, chùa Ni rất hiếm ít. Giả sử như có các vị ni cũng đồng tu tập một chùa với chư Tăng, đồng ăn một chỗ, không khuyết phạm giới điều cấm ước. Nhưng vua Đồng tử thuộc dòng tộc Sát-đe-lợi nói cùng kẻ sứ là Lý Nghĩa Biểu rằng: “Trên đời tương tục tiếp thừa đã 4.000 năm. Người xưa trước từ đất Hán bay lại làm vua xứ đất này. ”

Về phía Tây bắc của thành có ngôi tháp do vua A-duc tạo dựng xưa kia, Đức Phật từng ở đó suốt 7 ngày giảng nói pháp. Bên cạnh có tháp thờ tóc và móng tay, vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại về hướng Nam, gần sông Khắc-già có 3 ngôi chùa cùng đồng chung vách tường mà khai cửa, tôn tượng Đức Phật trang nghiêm xinh đẹp. Có chiếc răng của Đức Phật dài một tấc rưỡi, sắc màu tỏa sáng luôn biến đổi, Phật tôn trí trong hộp báu. Mọi người ở xa gần đến chiêm ngưỡng mỗi ngày có đến cả ngàn trăm, khiến người gìn giữ phiền nhiễu, thân thuế nặng bằng vàng hoặc vật báu nhưng mọi người vui thích đến kính lễ chẳng chối từ tốn nhiều của cải. Vào những ngày trai thì nghinh thỉnh ra tôn trí nơi tòa caom rầu hoa cúng dường tuy tích chứa nhưng hợp chiếc răng ấy chẳng bị khỏa lấp, chúng Tăng ở trong chùa rất thanh tịnh nghiêm túc, các hàng tịnh nhân có cả vài vạn nhà. Phía trước và hai bên chùa có những ngôi Tinh xá cao hơn trăm thước, xây dựng nền móng bằng đá lợp ngói gạch, tôn tượng trong thất trang nghiêm bằng các vật báu hoặc thuần toàn vàng bạc. Tiếp theo về phía Đông nam có một ngôi Tinh xá lớn được xây dựng nền móng bằng đá, gạch, thất cao hơn 20 trượng. Đó là nơi xưa kia Đức Phật từng ở suốt 6 tháng nói các pháp thân vô thường, khổ không bất tịnh. Lại có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền tại phía Đông nam của Thành cách khoảng 6-7 dặm nằm trên bờ phía Nam sông Khắc-già.

Từ thành ấy về phía Đông nam hơn trăm dặm có thành Nạp-phước-đề-bạ tựa bên bờ sông phía Đông Khắc-già có 3 ngôi chùa đồng chung từng vách mà khác cửa, chu vi rộng hơn 20 dặm. Tiếp theo trước cách hơn 20 bộ, có một ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi Đức Phật từng ở đó suốt bảy ngày giảng nói pháp, bên trong có xá-lợi, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Về phía Bắc của chùa cách 4 dặm gần bờ sông Khắc-già, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói

pháp, có 400 quý đối được tổ ngộ mà sinh lên cõi trời. Bên cạnh đó lại có tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật, tiếp theo bên cạnh lại có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Lại theo hướng Đông nam hơn 600 dặm, vượt qua phía Nam sông Khắc-già đến nước A-thâu-đà (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị, đệ tử học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo hiếm ít. Trong thành có ngôi chùa cổ tức là nơi Bồ-tát Phật-tô-bạn-độ (tức là Thế Thân) ở trong vài mươi năm tạo các luận Đại thừa Tiểu thừa. Từ thành về phía Bắc cách 5 dặm bên bờ sông Khắc-già, trong ngôi chùa lớn có ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi xưa trước Đức Phật đã từng vì các người trời mà ở đó mất 3 tháng giảng nói pháp. Bên cạnh đó có ngôi tháp Phật, có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ chùa về phía Tây cách 5 dặm có ngôi tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật. Từ thành về phía Tây nam cách 5 dặm có ngôi chùa cổ trong rừng Đại-am-một-la, là nơi Bồ-tát A-tăng-già xưa kia ban đêm lên cung trời đến chỗ Bồ-tát từ thị để thọ học trở lại vì Đại chúng mà giảng nói. Từ rừng ấy về phía Tây Bắc cách hơn trăm bộ có tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật.

Từ đó, theo hướng Đông đi hơn 300 dặm, vượt qua phía Bắc sông Khắc-già đến nước A-da-mục-khư (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng 20 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 1.000 vị đều thọ học giáo pháp Tiểu thừa. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngạo Đạo chung sống lẫn lộn. Từ thành về phía Đông nam gần sông Khắc-già có ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi xưa Đức Phật từng ở suốt 3 tháng giảng nói pháp, có tháp phụng thờ tóc và móng tay sắc xanh, có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 700 dặm vượt qua phía Nam sông Khắc-già, thuộc phía Bắc sông Diêm-mâu-na đến nước Bát-la-già-da (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, Đô thành y cứ giữa điểm giao tiếp của hai bờ sông chu vi rộng hơn 20 dặm, có 2 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đặc biệt lắm nhiều, từ thành về phía Tây nam giữa khúc cung sông Diêm-mâu-na cách khoảng hai ba ngàn dặm theo dòng sông hợp lại ở phía Đông bắc có ngôi tháp cao hơn 10 trượng trong rừng hoa Chiêm-bác-ca, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến đó nhiếp phục ngoại đạo, có tháp thờ tóc và móng tay, vết tích nơi Đức Phật kinh hành tọa thiền, lại có nơi Bồ-tát Đề-bà tạo luận Quảng bách. Trong thành, trước nhà đền thờ trời có cây Đại thọ

cánh lá tươi tốt che kín, có loài quỷ ăn thịt người nương ở nơi đó. Hai bên di cốt chất chồng như cỏ, những người đến trong đền thờ thấy đều xem thường mạng sống, từ trên cây ném xuống bởi bị quỷ dẫn dụ. Từ thành về hướng Đông nói hai dòng sông hợp lại rộng hơn 10 dặm, đất đai bằng phẳng, đồi cao cát mịn dân bày. Xưa nay các hàng vương thần giàu sang có cúng thí không ai chẳng đến đó, nên gọi đó là Đại thí trường. vua giới nhật cũng tu hạnh nghiệp đó. Từ Đạo trường đó về phía Đông nơi hợp lại của dòng sông mỗi ngày có đến trăm người tự đâm mình mà chết. Tập tục ở đó gọi là nơi thác sinh lên các cõi trời vậy. Nếu người nào muốn hành pháp ấy thì trước tiên đến đó bỏ ăn 7 ngày. Việc tự đâm mình vào trong dòng sông, mọi người từ các nơi xa gần đều đến, cho đến cả khí núi nai đồng kéo nhau cả đàn đến bên bờ sông bỏ ăn mà tự đâm mình xuống dòng sông. Ngay lúc vua giới Nhật thực hành bố thí có 2 con khỉ cái bị chó cắn chết, con khỉ đực mang xác ném xuống dòng sông, và chính con khỉ đực ấy cũng bởi đã đói khát nhiều ngày nên chết luôn.

Từ đó theo hướng Đông nam đi qua rừng lớn và đồng trống hoang dã hơn 500 dặm đến nước Kiều-thưởng-di (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 6.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 30 dặm. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 300 vị, có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông nhiều. Trong thành nói cung điện cũ có ngôi tinh xá lớn cao hơn 60 thước, khắc chạm tôn tượng Đức Phật bằng gỗ Chiên-đàn, phía trên treo đá, do vua Ô-đà-diễn-na (xưa trước gọi là Ưu-đà-diên, thời Tiên Đường dịch nghĩa là xuất ái) tạo dựng, có ánh sáng linh thiên tỏa phóng, các vị vua muốn đem sức lực để nâng đời mà trọn chẳng lay chuyển. Xưa kia, khi Đức Phật Thích-ca vì Thánh mẫu Ma-gia nêu lên cung trời giảng pháp, vua thỉnh cầu Tôn giả Mục Kiền Liên dùng sức thần dẫn các người thợ lên cung trời phỏng hình tượng của Đức Phật để làm. Đến lúc từ cung trời, Đức Phật trở xuống, tôn tượng ấy bèn đứng dậy nghinh đón, Đức Phật bèn an ủi ủy dụ vì làm mọi Phật sự trong tương lai. Từ Tinh xá đó đi về hướng Đông cách hơn trăm bộ, có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, cái giếng nơi thất của Đức Phật tắm rửa đến nay nước vẫn còn tuôn chảy. Trong thành về góc Đông nam nơi vườn nhà Tôn giả Cự-sử-la, có Tinh xá của Đức Phật, tháp tôn thờ tóc và móng tay. Bên cạnh tháp lớn lại có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành. Từ thành về hướng Tây cách 9 dặm có hang đá là nơi xưa kia Đức Phật từng du hóa đến đó nhiếp phục rồng độc. Bên cạnh có ngôi tháp lớn cao hơn 20 trượng. Bên cạnh lại có vết tích của Đức Phật tọa

thiền kinh hành, tháp phụng thờ tóc và móng tay. Những người tật bệnh đến nguyện cầu phần nhiều đều được lành mạnh. Đến lúc Di pháp của Đức Phật Thích-ca hủy diệt tại nước đó, các hàng sang hèn vào trong cảnh vực tự nhiên cảm thương.

Từ hàng đá ấy vào trong rừng lớn đi hơn 700 dặm, vượt qua bờ phía Bắc sông Khắc-già đến thành Ca-xa-bố-la chu vi rộng 10 dặm, đó là nơi Bồ-tát Hộ Pháp nhiếp hóa ngoại đạo, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia giảng pháp, hiện có dấu vết Đức Phật kinh hành, tháp tôn thờ tóc và móng tay. Từ đó theo hướng Bắc đi 180 dặm đến nước Ty-sách-ca (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 17 dặm, có 20 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 3.000 vị, có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Ở hai bên đường phía Nam có chùa tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng ở nơi đó 6 năm giảng nói pháp, bên cạnh có cây kỳ lạ cao 70 thước, quanh năm không đổi thay, đó là cây Đức Phật xả răng vất bỏ mà sinh mọc tươi tốt như vậy, các hàng ngoại đạo đua nhau đến chặt phá, song, sau đó vẫn sinh mọc như cũ. Bên cạnh có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền và tháp tôn thờ tóc và móng tay. Góc nền móng tiếp liền nhau, ao rừng giao bóng.

Từ đó theo hướng Đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Thất-la-phạt-tất-để (tức nước Xá-vệ, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, Đô thành hoang phế hư hoại, nền móng cũ bên bờ dài hơn 20 dặm, có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Trên nền móng điện cũ phía Đông trong thành hoang phế có ngôi tháp nhỏ, do là nơi do vua Bát-la-tê Na-thị-đa (xưa trước gọi là vua Ba-tư-nặc, tiếng Trung Hoa thời tiếng Đường dịch nghĩa là Thắng Quân) vì Đức Phật mà tạo dựng đường thất. Tiếp theo trên tháp nền móng cũ, vua vì Di mẫu của Đức Phật là Tỷ-khưu ni Bát-la-xà-bát-để (xưa trước gọi là Bà-xà-ba-đề, Trung Hoa dịch nghĩa là sinh chủ) mà tạo dựng Tinh xá. Tiếp theo về phía Đông tháp là vườn nhà cũ của Tô-đạt-đa (tức là Thiện Thí), bên cạnh có ngôi tháp lớn, là nơi Ương-cù-lợi-ma-la (tức là Chỉ-man) xả bỏ tà pháp. Từ thành đó về hướng Nam cách khoảng 6 dặm là rừng Thệ-đa là vườn chùa do Trưởng giả Tu-đạt và Thái tử Kỳ Đà tạo lập, nay đã hoang phế chỉ còn có trụ đá cao hơn 70 thước do vua A-dục tạo dựng và còn một ngôi thất bằng gạch ngoài ra đều bị khóa lấp. Trung thất ấy có tôn tượng Đức Phật vì Thánh mẫu mà giảng pháp bằng vàng. Về phía Đông Bắc có ngôi tháp là nơi Đức Phật tắm rửa theo vị Tỷ-khưu bị bệnh, về

phía Tây bắc lại có ngôi tháp nơi Tôn giả Mục Kiền Liên nâng pháp y của Tôn giả Xá-lợi-phất, cách đó không xa cùng các ngôi tháp của Đức Phật mức nước sử dụng. Lại nữa, nơi Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với dp, nơi Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với Đức Phật hành đạo thuyết pháp đều có dựng tháp tiêu biểu, luôn có dán hiệu các thứ nhạc linh mà hương khác lạ. Nơi các ngoại đạo giết hại người nữ để phỉ báng Đức Phật cũng có dán hiệu các thứ nhạc linh mà hương khác lạ. Nơi các ngoại đạo giết hại người nữ để phỉ báng Đức Phật cũng có dựng lập tháp để tiêu biểu. Từ chùa về phía Đông cách trăm bộ có hầm hố sâu lớn, đó là nơi điều đạt muốn độc hại Phật mà bị lấp vùi vào lòng đất. Ở phía Nam lại có hầm hố lớn là nơi Tỳ-khưu Cù-già-ly hủy báng Đức Phật mà bị lấp vùi. Lại về phía Nam cách 500 bộ, có hầm rất lớn là nơi Bà-la-môn nữ Chiến-già hủy báng Đức Phật mà bị lấp vùi, ba hầm hố đó đều sâu thẳm không đáy, mưa lớn trút đổ trọn không ngưng nghệt. Từ chùa về phía Đông cách 70 bộ có một tinh xá trên là Ánh Phú cao 60 thước, bên trong có tôn tượng Đức Phật ngồi xoay mặt hướng Đông, nơi cùng các ngoại đạo luận nghị. Tiếp đó về phía Đông có đền thờ trời cũng cao đồng như Tinh xá thờ Phật, lúc về chiều bóng tinh xá đổ về hướng Đông che phủ đền thờ trời.

Từ đó về hướng Đông cách 4 dặm có ao động lớn là nơi Tỳ-lô Thích-ca vương (xưa trước phiên dịch nghĩa là lưu ly) bị vùi lấp vào đất người đời sau dựng lập tháp ghi chép lại sự việc ấy. Lại nữa, nơi lúc mới đầu tạo dựng chùa (Kỳ Viên) Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với ngoại đạo so tài sinh sức, cũng có dựng lập tháp ghi chép sự kiện. Từ chùa về phía Tây bắc cách 4 dặm, có khu rừng đặc nhãn, trong đó có ngôi tháp vết tích nơi Đức Phật kinh hành, đó là duyên cớ vua Thắng Quân xử quyết móc mắt 500 quân giặc, nhân được nghe sức từ của Đức Phật mà một lúc được bình phục, vất bỏ trượng bèn sinh hiện nhãn căn. Từ thành ấy về phía Tây bắc cách 60 dặm có ngôi thành cũ từ lúc con người sống thọ hai vạn tuổi, đó là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-diếp-ba. Về phía Bắc có ngôi tháp tức nơi phụng thờ toàn thân xá-lợi của Đức Phật, do vua A-dục tạo dựng để tiêu biểu.

Từ đó, lại theo hướng Đông nam đi hơn 500 dặm đến nước Kiếp-tỷ-la-phạt-tất-đổ (tức xưa trước gọi là Ca-tỳ-la, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, thành quách có cả 10 khu đều hoang trống không có người ở, chu là cung thành rộng 15 dặm được xây dựng bằng gạch, có hơn ngàn ngôi chùa cổ trong một cung thành, có hơn 30 ngôi chùa Tăng, hai ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn

lớn. Trong thành trên nền chánh biện trong tinh xá tạo nên tượng vua, bên cạnh là trên nền móng tấm điện của Phu nhân Ma-ha-ma-già (tức là Đại thuật), trong tinh xá tạo hình tượng phu nhân. Bên cạnh đó có tinh xá bên trong tạo hình tượng Bồ-tát. Về tướng gián thần ở xứ đó có các quan điểm chẳng đồng, theo thượng tọa bộ cho là “tướng đương với ngày 15 tháng 5 điểm Trung Hoa”, còn các Bộ phái khác lại cho là “tướng đương với ngày mồng 8 tháng 5”. Đó bởi sự thấy nghe có sai khác vậy. Bên cạnh đó có tháp tiên tướng. Về phía Nam có ngôi tháp là nơi Thái tử dốc sức lực mình đánh ném voi vượt qua thành nơi Thái tử dốc sức lực mình đánh ném voi vượt qua thành rơi nơi đất làm thành hầm hố lớn. Bên cạnh đó có tịnh xá làm hình tượng Thái tử và Tượng thọ nghiệp. Bên cạnh tịnh xá ấy là nơi phòng ngủ của cung phi, làm hình tượng Da-du-đà-la và La-hổ-la. Có một bản riêng biệt ghi rằng: “Đó là nơi đầu đêm Thái tử mở cửa thành phía bắc thành mà ra đi”. Ở góc Đông nam của thành là nơi Thái tử cưỡi ngựa bay giữa không trung vượt thành xuất gia, có tạo dựng Tịnh xá và hình tượng. Tại bốn cửa mỗi mỗi đều có hình tượng các cảnh lão, bệnh, tử, Sa-môn. Về phía Nam của thành cách 4 dặm có tháp rừng Ni-lâu-lô là nơi khi Đức Phật đắc Đạo cùng giảng nơi pháp. Từ thành ấy về phía Nam cách 15 dặm có ngôi tháp trong thành cũ, là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-la-ca-thôn-đa lúc con người tuổi thọ đến sáu vạn năm. Lại về phía Đông nam của Thành có ngôi tháp tức là nơi Di thân của Đức Phật ấy, phía trước tháp, vua Vô Ưu có tạo dựng tượng đá cao hơn 3 trượng. Lại về phía Đông bắc hơn 30 dặm có ngôi tháp trong thành cũ, là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-nặc-ca-mâu-ni. Lúc con người có tuổi thọ bốn vạn năm. Về phía Đông bắc thành đô có ngôi tháp, là nơi di thân của Đức Phật ấy. vua Vô Ưu có dựng lập trụ đá và ghi chép minh ký, cao hơn 2 trượng. Lại về phía Đông bắc thành ấy cách hơn 40 dặm có ngôi tháp nơi Thái tử ngồi dưới gốc cây. Về phía Tây bắc của thành lớn có vài trăm ngàn ngôi tháp, là tháp các Thích Tử bị giết hại có 4 vị Thích Tử chống cự lại quân lính, người ở trong thành không chấp thuận, bèn bị ruồng đuổi ra khỏi cảnh vực, đó là vua Ô Tượng, vua Phạm Diễn v. v... đến nay vẫn chẳng dứt. Về phía Nam của Thành có tháp Cây-ni-câu luật, là nơi mới đầu Đức Phật đến thấy Phụ vương. Có ngôi tháp ngoài cửa phía Nam của Thành là nơi bắn cung tên. Về phía Đông nam cách hơn 30 dặm là nơi Thái tử bắn mũi tên găm sâu xuống đất nhân đó có dòng suối tuôn vọt, tục truyền suối, mũi tên ấy, những người bệnh uống nước phần nhiều đều lành, hoặc có người vớt bùn bồi thoa lên trán thì tùy nổi khổ đều lành,

lại theo hướng Đông Bắc cách khoảng 90 dặm là rừng Lạp-phật-ni, nơi ao dòng họ thích tắm gội hoa nước soi bóng ánh ngời. Từ đó về phía Bắc cách khoảng 25 bộ là cây Vô Ưu là nơi Đức Phật đản sinh đến nay đã khô rụi. Có thuyết cho rằng: “Lúc ấy là ngày mồng 08 tháng 03”, còn theo Thượng Tọa bộ cho là: “Ngày 15 tháng 03”. Tiếp theo về hướng Đông có ngôi tháp là nơi 2 con rồng tắm gội cho Thái tử, mới đầu khi Đức Phật đã đản sinh chẳng cần phải nâng đỡ mà tự đi khắp bốn hướng, mỗi hướng 7 bước, nơi Đức Phật giẫm đặt bàn chân liền có hoa sen lớn xuất hiện. Khi Đức Phật đã từ phía hông hữu của Thánh mẫu sinh ra, Thiên đế nâng y tiếp lấy, bốn vua bưng ầm đặt trên ghế vàng, đều có xây dựng bốn ngôi tháp và dựng trụ đá để tiêu biểu đó. Bên cạnh có dòng sông nhỏ theo hướng Đông nam mà xuôi dòng, người đời gọi đó là sông Dầu, là nơi Thái tử đã đản sinh, Trời biến hóa đất ở đó sáng nhuần khiến để tắm, lại dứt trừ gió lửa hư không khiến biến thành sông nước trơn nhẵn như dầu.

Từ đó theo hướng Đông đi hơn 200 trong rừng hoàng nước Ma-ma (thuộc Trung Ấn Độ) có nhiều thành quách trống không. Lại theo hướng Đông nam có ngôi tháp Phật cao gần năm thước, xưa trước mới đầu đó là một trong tám phần xá-lợi Phật, có lúc ánh sáng linh thiêng tỏa phóng, bên cạnh có ao trong mát, có rồng biểu làm rắn lớn ra nhiều quanh tháp đó, có voi đồng hoang hái trái để tung rải, vua Vô Ưu muốn mở tháp mà rồng gìn giữ không chấp thuận. Lại theo hướng Đông qua rừng lớn cách hơn trăm dặm có ngôi tháp lớn, là nơi Thái tử đến đó cởi mở chuỗi châu ngọc ni trong áo báu giao cho Xiển-đạt-ca đem về lại dâng cùng phụ vương, lại về hướng Đông có cây chiêm bộ đã khô chết nhưng gốc hiện còn, có ngôi tháp nhỏ, đó là nơi Thái tử đem y vật còn lại để đổi lấy áo da nai. Bên cạnh ngôi tháp là nơi Thái tử cắt tóc. Về tuổi tác của Thái tử lúc ấy không được chuẩn định, có thuyết cho là Thái tử vừa 19 tuổi, có thuyết lại cho là đã 29 tuổi. Lại theo hướng Đông nam đi bằng hoang trống 190 dặm có tháp rừng Ni-câu luật cao hơn 3 trượng. Người xưa lấy đất nơi chỗ trà tỳ Đức Phật, thâu nhặt tro bụi đem đến đó xây dựng tháp phụng thờ, người bệnh cầu nguyện đều lành, lại có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, tháp ấy cao hơn trăm thước. Hai bên có vài trăm ngôi tháp nhỏ.

Lại theo hướng Đông bắc bằng vượt rừng lớn đường đi hiểm trở suốt 500 dặm đến nước Câu-thi-na-yết-la (thuộc Trung Ấn Độ), ở đó thành quách đổ nát hoang tàn, người vật hiếm ít. Ở góc Đông Bắc trong thành có ngôi tháp là nơi vườn nhà xưa cũ của Thuần Đà, có cái giếng

được đào đục để cúng dường hiện vẫn còn đẹp từ thành ấy về phía Tây bắc cách khoảng 4 dặm, vượt qua sông A-thị-đa-phạt-đế, đó gọi là Hữu kim, gần bờ phía tây là rừng Bà-la, khoảng cách giữa hai rừng gần vài mươi bộ, bên trong có 4 cây đặc biệt rất cao, trong ngôi Tinh xá lớn xây dựng bằng gạch, tạo tôn tượng Đức Phật nhập Niết-bàn, đầu xoay hướng Bắc mà nằm, bên cạnh có ngôi tháp cao hơn 200 thước, phía trước có dựng trụ đá ghi chép về tướng Đức Phật diệt độ, có thuyết nói là Phật nhập Niết-bàn ngày 15 tháng 03, theo Thuyết hữu bộ cho là ngày mồng 08 tháng 09. Các bộ phái có lắm sự luận bàn khác nhau, có thuyết nói: “Đến nay, năm Trinh Quán thứ 20 (646) thời tiền Đường, thì đã trải qua 1.212 năm vậy”. Đó là y cứ theo sự ghi chép ở trụ đá tại chùa Bồ-đề. Hoặc còn có thuyết nói là 1.300 năm, hay hơn 1.500 năm hoặc có thuyết nơi mới hơn 300 năm chưa đến 1.000 năm. Bên cạnh Tinh xá có nơi kia kia Đức Phật làm chim trĩ chúa cứu lửa và làm Nai cứu sống, mỗi mỗi đều có dựng một ngôi tháp. Tiếp về hướng tây có một ngôi tháp là nơi Tôn giả Tu-bạt-đà-la diệt chứng, tiếp theo lại có một ngôi tháp là nơi chấp Kim cang thần khoe đất, tiếp theo bên cạnh có một ngôi tháp là nơi tôn trí Kim quan lại 7 ngày, tiếp bên cạnh có ngôi tháp là nơi Tôn giả A-nê-lâu-đa lên cung trời báo cùng Thánh mẫu biết Phật đã nhập Niết-bàn nên xuống buồn khóc, từ thành về phía Bắc vượt qua sông Ni-liên-thuyền-na cách 300 bộ có một ngôi tháp là nơi Niết-điệp-ban-na (tức là trà tỳ = thiêu đốt) nhục thể Đức Phật. Hiện nay đất ở đó sắc màu vàng đen lẫn cùng tro bụi, có người mong cầu được cảm có xá-lợi. Tiếp theo bên cạnh có một ngôi tháp, là nơi Đức Phật duỗi hai bàn chân ra khỏi Kim quan cho Tôn giả Ca-diếp-ba trông thấy. Tiếp nữa lại có một ngôi tháp, phía trước có dựng trụ đá khắc ghi về việc tám nước phân chia xá-lợi.

Từ đó theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm đến một ấp lớn, lại đi qua rừng lớn cánh hơn 500 dặm đến nước Ba-la-nại-tư (xưa trước gọi là Ba-la-nại, thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, phía Tây đô thành gần sông Khắc-già dài gần 20 dặm rộng 6 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều, phần nhiều tin theo ngoại đạo. Có hơn 30 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị đều tu học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông cả vạn bộ, phần nhiều là phụng thờ Thiên căn của Đại tự tại. Trong thành lớn có 20 ngôi đền thờ trời, Thiên căn cao hơn trăm thước. Về phía Đông bắc của Thành là sông Ba-la-nại, ở phía Tây có ngôi tháp do vua A-đục tạo dựng cao hơn 10 trượng, phía trước có dựng trụ đá bằng ngọc bích xinh

đẹp ứng hiện hình Phật. Từ sông đi về phía Đông bắc cách hơn 10 dặm là chùa Lộc dã, tám phân ranh giới khu vực vách tường nổi liền bao bọc chung quanh, có tầng hiên trùng các, chư Tăng có 1.500 vị đều học theo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Lại có ngôi tháp thờ Phật cao hơn 20 trượng, khám gạch cả bốn mặt điều tiết thích hợp có cả trăm thêm cấp, đều có những tượng Đức Phật bằng vàng, đồng than, đá v. v... ản hiện. Tiếp theo về phía Tây nam có một ngôi tháp cao hơn trăm thước, phía trước có trụ đá cao hơn 70 thước sáng sạch suốt cùng, những người thành kính cầu nguyện thì tôn tượng hiện tùy thuộc hạnh nghiệp Thiện ác. Tức nơi sau khi đã thành Đạo, Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên. Bên cạnh đó có ba ngôi tháp tức là nơi tọa thiền kinh hành của ba Đức Phật xưa trước. Bên cạnh lại còn có các ngôi tháp khác là nơi 500 vị Độc giác nhập Niết-bàn. Bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi Đức Di Lạc nhận sự dự ghi sẽ thành Phật. Lại theo hướng Tây có một ngôi tháp là nơi đời trước Đức Phật làm Bồ-tát Hộ Minh được Đức Phật Ca-diếp-ba thọ ký đời nay thành Phật. Tiếp theo về phía Nam có nơi của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, dài 50 bộ cao 7 thước, chồng chất đá xanh, phía trên làm tôn tượng Đức Phật Thích-ca kinh hành. Hình tượng ấy rất đặc dị, nhục kế nổi cao, tóc trên đầu duỗi ra sức thần mà có chứng nghiệm, vết tích chùa xưa, lắm nhiều Tinh xá, bảo tháp, có đến vài trăm sự kiện chẳng thể ghe chép đầy đủ rõ ràng. Về phía Tây của chùa có cái ao trong sạch chu vi rộng 200 bộ là nơi xưa kia Đức Phật thường tắm rửa, tiếp về hướng Tây có một ao nhỏ là nơi Đức Phật tẩy rửa vật dụng, tiếp về hướng Bắc có một ao nhỏ là nơi Đức Phật thường y. Ba ao ấy đều có rồng ở, mùi vị của nước mát ngọt mà trong sạch. Như có người khinh mạn xúc chạm thì loài thú Kim-tỳ-la liền vì làm hại. Bên cạnh đó có tảng đá vuông, phía trên có dấu vết đường văn của pháp y ca sa của Đức Phật. Các hàng ngoại đạo và những kẻ hung bạo khinh thường giẫm đạp lên thì rồng trong ao liền nổi gió mưa. Bên cạnh đó lại có ngôi tháp là nơi Đức Phật từng làm voi chúa 6 ngã thấy người thợ săn đắp mặc pháp y nên nhổ ngà kính dâng. Bên cạnh đó lại có một ngôi tháp, là nơi xưa trước, Đức Phật làm chim cùng khổ và voi hỏi ai là kẻ lớn. Lại trong rừng lớn có một ngôi tháp là nơi xưa kia, Đức Phật cũng điều đạt đồng làm nai chúa, Đức Phật thay mạng thế mai đang thai, nên danh hiệu lộc dã (vườn nai) từ đó mà có. Lại từ chùa về hướng Tây nam cách 3 dặm có một ngôi tháp lớn cao hơn 30 trượng, nên tảng cao với tráng lệ, bên cạnh lại có một ngôi tháp là nơi 5 người (5 anh em Kiều Trần Như) nghinh đón Đức Phật. Về phía Đông của rừng lớn cách 3 dặm có

một ngôi tháp, là nơi xưa trước Đức Phật làm thân con thỏ cùng chung sống với các loài thú, tự biết thân hình mình bé nhỏ nên tự thiêu thân nhân tặng, nhân đó trời Đế-thích xuống tán thán, vì thế khiến giữa vầng trăng có hiện hình con thỏ.

Từ chùa ấy về hướng Đông thuận theo sông Khắc già đi hơn 300 dặm đến nước chiến chủ (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm. Đô thành gần sông Khắc-đà-già chu vi rộng hơn 10 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều. Có 10 ngôi chùa, chư tăng có gần vạn vị đều tu học theo pháp Tiểu thừa. 30 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Tại chùa ở phía tây bắc của Thành có một ngôi Tháp tôn thờ một tượng xá-lợi của Đức Phật. Xưa trước Phật từng đến ở đó 7 ngày giảng nói pháp. Và có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, lại có tôn tượng Bồ-tát Từ Thị hình dáng nhỏ bé mà oai đức rất lớn. Từ thành về hướng Đông bắc cách hơn 200 dặm đến chùa A-tỳ-yết-lại-noa (tức chùa Bất Xuyên Nhĩ) nhân duyên do từ vị Tăng ở phương Bắc vậy. Từ chùa đó theo hướng Đông nam vượt qua sông Khắc-già đi hơn trăm dặm đến một ấp lớn. Ở bờ phía Bắc sông có đền thờ trời Na-la-diên, trùng các nghiêm lệ. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 30 dặm có Tháp Giáng Quý đã bị lấp vùi dưới đất một nửa, phía trước tạo dựng trụ đá cao hơn 2 trượng, tức nói Đức Phật vì loài quỷ ăn thịt người mà giảng pháp, quỷ thiết đặt cả ngàn tòa đá, cây rừng xanh tốt, ao nước trong mát, cách đó không xa có vài ngôi chùa đều có chư Tăng ở tu học theo pháp Đại thừa. Lại theo hướng Đông nam vượt qua dòng sông đi hơn trăm dặm có ngôi tháp, tức là nơi tôn thờ Bình phân chia xá-lợi và những xá-lợi còn lại, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng.

Lại theo hướng Đông bắc vượt qua sông Khắc-già đi 150 dặm đến nước Phệ-xá-ly (tức xưa trước gọi là Tỳ-xá-ly), thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, tà chánh lẫn lộn đến một nửa, có vài trăm ngôi chùa, hiện tại chỉ còn 5-3 ngôi, chư Tăng rất hiếm ít, có vài mươi ngàn đền thờ trời, để lộ bày hình lấm nhiều vậy. Thánh quách đã đổ nát hư hoại, nền móng cũ còn bên bở, chu vi rộng 70 dặm, chu vi cung thành rộng 50 dặm, hiếm ít người sinh sống. Từ cung thành về hướng Tây bắc cách khoảng 6 dặm có ngôi chùa tháp là nơi Đức Phật giảng nói kinh Tịnh Danh. Lại về hướng Đông có ngôi tháp là nơi Tôn giả Xá-lợi-tử chứng quả. Lại về hướng Đông có ngôi Tháp lớn là nơi vua được chia một phần xá-lợi một hộc, vua Ưu điền lấy 9 thăng, phân chia đều tạo dựng các tháp khác. Sau đó có vua lại muốn khai mở tháp ấy, bỗng nhiên đất chấn động bèn thôi. Về phía Tây bắc có ngôi tháp, có trụ đá

cao 6 trượng, tiếp về phía Nam là nơi có con khỉ vì Đức Phật mà moi đào ao nước. Ở phía Tây của ao, có bảy khỉ mang bình bát của Đức Phật leo lên cây hứng lấy mật. Về phía Nam ấy là nơi khi bưng bát mật dâng cúng Đức Phật, mỗi mỗi nơi đều có đưng Tháp ghi chứng. Từ chùa ấy về hướng Đông bắc cách 4 dặm có một ngôi tháp là nơi vườn nhà xưa cũ cư sĩ Tịnh danh, còn lắm nhiều linh thần. Vườn nhà ấy xây chồng chất gạch, tương truyền là chất chồng đá, tức là nơi cư sĩ Tịnh Danh hiện tướng bệnh để giảng nói pháp. Gần đây, Sư giả Vương Huyền Sách dùng Hốt để đo lường đó chỉ có một trượng, nên tên gọi Phương Trượng từ đó mà sinh ra, và nơi vườn nhà của Trưởng giả Bảo Tích, nơi vườn nhà của Yêm-la-nữ, nơi Tôn giả Kiều-đàm-di nhập Niết-bàn đều có dựng lập tháp ghi chép chứng cứ. Từ chùa về phía Bắc cách 4 dặm có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật sắp sang Thành-câu-thi-na, người trời buồn khóc đưa tiễn. Tiếp đến lại có một ngôi tháp là nơi Đức Phật đứng trông nhìn lại Thành ấp lần cuối cùng. Tiếp theo về hướng Nam là nơi Yêm-la-nữ đem vườn cúng dâng Đức Phật. Bên cạnh đó có một ngôi tháp là nơi trước Đức Phật ba lần bảo cùng Tôn giả A-nan về ngày tháng còn lại cho đến lúc nhập Niết-bàn. Lại nữa, bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi ngàn người con được thấy gặp song thân; tức ngàn Đức Phật trong thời hiền kiếp vậy. Về hướng Đông có nền tháp, giảng đường, trùng các xưa cũ, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Đó là nơi Đức Phật giảng nói kinh Phổ Môn. Về phía Tây bắc của thành cách 60 dặm có ngôi tháp lớn là nơi Đức Phật biệt-lập-chiếp-bà-tử. Về phía Tây bắc của thành lớn gồm 200 dặm có một ngôi tháp nơi thành xưa cũ, là nơi Đức Phật giảng nói về Bản sinh từng ở nơi đó là đại thiên luân vương phụng sự đất nước.

Từ thành ấy về hướng Đông nam cách 15 dặm có ngôi tháp lớn, là nơi 700 vị Hiền Thánh kết tập lại kinh điển. Lại về hướng Nam gần 100 dặm có ngôi chùa lớn, tầng đài lớp lớp, chư Tăng tập học theo giáo pháp Đại thừa, có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Bên cạnh lại có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từ phương Nam vượt đến phía Bắc nước Ma-kiệt-đà mà dừng nghỉ trong thành Tỳ-xá-ly. Từ chùa ấy về phía Đông cách 30 dặm, ở hai phía Nam-bắc sông Khắc-già mỗi bên có một ngôi tháp, là nơi Tôn giả A-nan đà phân thân cho hai nước.

Từ phía bắc theo hướng Đông bắc của bờ sông đi hơn 500 dặm đến nước Phất-lật-thị (có người gọi là Tam-phạt-thị, thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, hai phía Đông-tây kéo dài. Có hơn 10 ngôi

chùa, chư Tăng gần ngàn vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa, có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Trong cung thành xưa cũ có 3.000 nhà. Ở bờ phía Đông bắc của sông Khắc-già có một ngôi tháp cao hơn 20 trượng, từ phía Nam trông nhìn dòng sông dài, là nơi Đức Phật hóa độ 500 ngư nhân, do đánh bắt được cá lớn có 18 đầu, trên mỗi mỗi cái đầu đều có 2 mắt. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn trăm dặm về phía Tây của thành cũ có ngôi tháp cao hơn trăm thước, xưa kia Đức Phật đã từng ở đó 6 tháng giảng pháp độ người. Lại về hướng Bắc cách 1.500 dặm có ngôi tháp tôn thờ tóc và móng tay của Đức Phật.

Lại theo hướng Tây bắc đi 150 dặm vào trong hang núi đến nước Ni-ba-la (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm tại trong núi tuyết. Chu vi Đô thành hơn 20 dặm. Dân chúng xứ đó kính tin xen tạp giữa chùa và trời. Chùa chiền rất nhiều, chư Tăng có hơn 2.000 vị, tập học kinh điển cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. vua thuần kính tin Phật pháp. Trong thành có các cao hơn 200 thước, chu vi rộng 80 bộ, phía trên có thể dung chứa cả vạn người. Mọi mặt có 3 lớp, mỗi lớp có 7 tầng, dùng dằng khắp bốn phía, khắc chạm vô cùng kỳ lạ, dùng các vật báu để nghiêm sức. Từ thành ấy về phía Đông nam cách không xa có thôn Thủy Hỏa, về phía Đông cách một dặm có sông A-kỳ-ba-lệ, chu vi rộng 20 bộ, sớm ngâm đọng không chảy thông thường phun trào. Có người đem lửa bén vào, khắp cả ao hồ lửa bốc cháy phừng phực cao vài thước, lại dùng nước rưới vào lửa, lửa càng thêm mạnh dữ, lại dùng đất vụn ném vào cũng liền thiêu cháy hết. Chẳng kể là ném vật gì vào, thấy đều biến thành tro bụi. Phía trên làm giá móc vạc nước nấu thức ăn liền chín. Trong nước ấy trước kia có hòm vàng. Ngày trước có vị Quốc vương đem người đến lấy hòm ấy đã ra khỏi bùn nhưng sức người và lời kéo chẳng lay động. Ban đêm có Thần minh bảo đó là mũ của Đức Phật Từ Thị, lúc hạ sẽ sinh sẽ mang đội đó, nên không thể lấy đi đâu được, có rồng lửa giữ gìn bảo hộ.

Lại từ thành ấy về hướng Nam cách hơn 10 dặm có núi đơn lẻ rất đẹp xinh, chùa ở lắm nhiều, tướng trạng như ráng mây, từng trúc cá rồng đều tùy theo người mà thuận ngược tựa đến nơi người lấy dùng thức ăn, như có người phạm bất thì dứt diệt cả nhà. Do là do Quốc mạng đều từ nước đó mà qua lại. Nay thuộc về Thổ Phiên. Lại từ nước Tỳ-xá-ly về hướng Nam 150 dặm, vượt qua sông Khắc-già đến nước Ma-kiệt-đà, tức chỗ thường gọi là thành Vương-xá nước Ma-kiệt-đề vậy.

